

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Tên Gói thầu: Cung cấp dịch vụ vận chuyển xăng dầu bằng đường bộ cho các Cửa hàng xăng dầu thuộc Công ty Xăng dầu Bắc Ninh năm 2025

Phát hành ngày: 24/07/2025

Bên mời thầu
Công ty Xăng dầu Bắc Ninh



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Bích Thu

Bắc Ninh, tháng 07/2025

MỤC LỤC

Từ ngữ viết tắt	
Phần thứ nhất. Thủ tục lựa chọn nhà thầu	
Chương I. Chi dẫn nhà thầu	
Chương II. Bảng dữ liệu gói thầu	
Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu	
Chương IV. Biểu mẫu dự thầu	
Mẫu số 01. Đơn dự thầu	
Mẫu số 02. Giấy ủy quyền	
Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh.....	
Mẫu số 04. Bảo lãnh dự thầu	
Mẫu số 05. Bảng tổng hợp giá dự thầu (<i>áp dụng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh</i>)	
Mẫu số 06(a). Bảng kê khai thông tin về nhà thầu	
Mẫu số 06 (b). Bảng kê khai thông tin về thành viên của nhà thầu liên danh.....	
Mẫu số 07. Danh sách các công ty đảm nhận phần công việc của gói thầu	
Mẫu số 08. Hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ	
Mẫu số 09. Tình hình tài chính trước đây của nhà thầu.....	
Mẫu số 10. Sản lượng vận chuyển bằng xe xitec bình quân hàng năm.....	
Mẫu số 11. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	
Mẫu số 12. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt	
Mẫu số 13. Lý lịch nhân sự chủ chốt.....	
Mẫu số 14. Bảng kê khai phương tiện.....	
Mẫu số 15. Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện dịch vụ phi tư vấn.....	
Phần thứ hai. Yêu cầu về phạm vi cung cấp	
Chương V. Yêu cầu về phạm vi cung cấp	
Phần thứ ba. Hợp đồng	
Chương VI. Thư chấp thuận và hợp đồng	
Mẫu số 16. Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng	
Mẫu số 17. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	

Mẫu số 18. Mẫu hợp đồng

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNT	Chi dẫn nhà thầu
BDL	Bảng dữ liệu gói thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
VND	Đồng Việt Nam

Phần thứ nhất. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ THẦU
CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU
A. TỔNG QUÁT

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1.1. Bên mời thầu quy định tại BDL phát hành bộ HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn được mô tả trong Phần thứ hai – Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

1.2. Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại BDL.

Mục 2. Nguồn vốn

Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại BDL.

Mục 3. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Quy chế Lựa chọn nhà thầu vận chuyển xăng dầu đường bộ của Công ty Xăng dầu Bắc Ninh ban hành theo Quyết định số 1013/PLXBN-QĐ ngày 04/07/2025.

Mục 4. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

4.1. Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4.2. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản.

4.3. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Mục 5. Nội dung của HSMT

5.1. HSMT gồm có các Phần 1, 2, 3 và cùng với tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó cụ thể bao gồm các nội dung sau đây:

Phần thứ nhất. Thủ tục lựa chọn nhà thầu:

- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;
- Chương II. Bảng dữ liệu gói thầu;
- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;
- Chương IV. Biểu mẫu dự thầu.

Phần thứ hai. Yêu cầu về phạm vi cung cấp:

- Chương V. Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

Phần thứ ba. Hợp đồng:

- Chương VI. Thư chấp thuận và hợp đồng

5.1. Thông báo mời thầu do Bên mời thầu phát hành hoặc cung cấp không phải là một phần của HSMT.

5.2. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT, hay các tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Bên mời thầu. Các tài liệu do nhà thầu nhận được nếu có mâu thuẫn về nội dung thì tài liệu do Bên mời thầu phát hành sẽ có ý nghĩa quyết định.

5.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, yêu cầu về phạm vi cung cấp và các yêu cầu khác trong HSMT để chuẩn bị lập HSDT bao gồm tất cả thông tin hay tài liệu theo yêu cầu của HSMT.

Mục 6. Làm rõ HSMT

Trong trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu. Khi Bên mời thầu nhận được đề nghị làm rõ HSMT của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu tối thiểu một số ngày theo quy định tại BDL. Bên mời thầu sẽ gửi văn bản làm rõ HSMT cho nhà thầu có yêu cầu làm rõ HSMT và tất cả nhà thầu khác đã nhận HSMT từ Bên mời thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì Bên mời thầu tiến hành sửa đổi HSMT theo thủ tục quy định tại Mục 7 CDNT.

Mục 7. Sửa đổi HSMT

7.1. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trước thời điểm đóng thầu thông qua việc phát hành văn bản sửa đổi HSMT.

7.2. Văn bản sửa đổi HSMT được coi là một phần của HSMT và phải được thông báo bằng văn bản tới tất cả các nhà thầu đã nhận HSMT từ Bên mời thầu.

7.3. Trường hợp chủ đầu tư sửa đổi HSMT, bên mời thầu có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMT đến nhà thầu theo quy định tại BDL. Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian hợp lý để sửa đổi HSDT, Bên mời thầu có thể quyết định gia hạn thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 20.2 CDNT. Nhà thầu phải thông báo bằng văn bản cho Bên mời thầu là đã nhận được tài liệu sửa đổi đó bằng một trong các cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

Mục 8. Chi phí dự thầu

Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDT. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.

Mục 9. Ngôn ngữ của HSMT

HSMT cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSMT được trao đổi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSMT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 10. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán

Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

Mục 11. Thành phần của HSDT

HSDT phải bao gồm các thành phần sau:

- Đơn dự thầu;
- Thỏa thuận liên danh (nếu có);
- Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17 -CDNT;
- Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 15 -CDNT;
- Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 14 -CDNT;
- Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 10-CDNT và Mục 12 -CDNT;
- Các nội dung khác theo quy định tại BDL.

Mục 12. Đơn dự thầu và các bảng biểu

Nhà thầu phải lập Đơn dự thầu và các bảng biểu tương ứng theo mẫu quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.

Mục 13. Giá dự thầu và giảm giá

13.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu ghi trong Đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu quy định tại Phần thứ hai – Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

13.2. Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc được mô tả trong Mục 1.1 CDNT và ghi đơn dự thầu, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các cột tại Bảng tổng hợp giá dự thầu theo mẫu tương ứng quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.

13.3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất hệ số giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào Đơn dự thầu hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ hệ số giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong cột “Hệ số giảm giá”. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDT hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp thư giảm giá nộp riêng thì thực hiện như quy định tại Mục 20.2 CDNT. Thư giảm giá sẽ được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSMT và được mở đồng thời cùng HSDT của nhà thầu.

13.4. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm để thực hiện hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT, trường hợp nhà thầu có đơn giá bất thường, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ về cơ cấu đơn giá đó theo quy định tại Mục 25 CDNT. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản phí, lệ phí (nếu có) áp theo mức phí, lệ phí tại thời điểm 30 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Giá dự thầu chưa bao gồm khoản thuế GTGT.

Mục 14. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật

14.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDT để chứng minh rằng các dịch vụ mà

mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V Phần thứ hai – Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

14.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V– Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

Mục 15. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

15.1. Nhà thầu phải ghi các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV - Biểu mẫu dự thầu để chứng minh năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bên mời thầu.

15.2. Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được công nhận quy định tại **BDL**.

Mục 16. Thời hạn có hiệu lực của HSDT

16.1. HSDT phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại **BDL**. HSDT nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

16.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian có hiệu lực của HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của nhà thầu không được xem xét tiếp và nhà thầu sẽ được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 17. Bảo đảm dự thầu

17.1. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải thực hiện: Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc đặt cọc bằng chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng.

Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh đó phải theo Mẫu số 04 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc theo một hình thức khác tương tự nhưng phải bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu. Trường hợp HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 16.2 CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng.

Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 17.2 CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17.5 CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 17.2 CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17.5 CDNT thì bảo đảm dự thầu sẽ không được hoàn trả.

17.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian hiệu lực của bảo đảm dự thầu theo quy định tại **BDL**.

17.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 17.2 CDNT, không đúng tên Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu.

17.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa theo quy định tại **BDL**, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

17.5. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu rút HSDT hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT;

b) Nhà thầu vi phạm quy định trong Quy chế của Công ty Xăng dầu Bắc Ninh dẫn đến phải hủy thầu;

c) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 35 CDNT;

d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày mời ký kết hợp đồng trừ trường hợp bất khả kháng.

Mục 18. Quy cách HSDT và chữ ký trong HSDT

18.1. Nhà thầu phải chuẩn bị **01** bản gốc và một số bản chụp theo số lượng quy định tại **BDL**.

Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà thầu phải chuẩn bị **01** bản gốc và số lượng bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại **BDL**. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “**BẢN GỐC HSDT SỬA ĐỔI**”, “**BẢN CHỤP HSDT SỬA ĐỔI**”, “**BẢN GỐC HSDT THAY THẾ**”, “**BẢN CHỤP HSDT THAY THẾ**”.

18.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai

khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thi HSDT của nhà thầu bị loại.

18.3. Bản gốc của HSDT phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT, Bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDT.

18.4. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDT phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Để bảo đảm tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về pháp lý, văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của các đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh.

18.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký Đơn dự thầu.

Mục 19. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDT

19.1. Túi đựng HSDT bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDT, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ DỰ THẦU". Trường hợp nhà thầu có sửa đổi, thay thế HSDT thì hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDT, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI", "HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ". Các túi đựng: HSDT; HSDT sửa đổi, HSDT thay thế (nếu có) phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.

19.2. Trên các túi đựng hồ sơ phải:

- a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu;
- b) Ghi tên người nhận là tên Bên mời thầu theo địa chỉ quy định tại Mục 20.1 CDNT;
- c) Ghi tên gói thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNT;
- d) Ghi dòng chữ cảnh báo "không được mở trước thời điểm mở thầu".

19.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMT này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn quy định tại Mục 19.1 và Mục 19.2 CDNT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà thầu không thực hiện đúng quy định nêu trên.

Mục 20. Thời điểm đóng thầu

20.1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Địa chỉ Bên mời thầu và thời điểm đóng thầu được quy định tại BDL. Bên mời thầu tiếp nhận HSDT của tất cả các nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà

thầu tham dự thầu chưa nhận HSMT từ Bên mời thầu. Nhà thầu có thể tải, sử dụng HSMT đã được bên mời thầu đăng tải trên trang web: <https://bacninh.petrolimex.com.vn> mà không phải trả bất cứ khoản phí nào.

20.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.

Mục 21. HSMT nộp muộn

Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSMT nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSMT nào mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSMT nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

Mục 22. Rút, thay thế và sửa đổi HSMT

22.1. Sau khi nộp HSMT, nhà thầu có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSMT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền theo quy định tại Mục 18.3 CDNT. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSMT phải được gửi kèm với văn bản thông báo việc sửa đổi, thay thế tương ứng và phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Được nhà thầu chuẩn bị và nộp cho Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18 và Mục 19 CDNT, trên túi đựng văn bản thông báo phải ghi rõ “SỬA ĐỔI HSMT” hoặc “THAY THẾ HSMT” hoặc “RÚT HSMT”;

b) Được Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 20 CDNT.

22.2. HSMT mà nhà thầu yêu cầu rút lại theo quy định tại Mục 22.1 CDNT sẽ được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

22.3. Nhà thầu không được sửa đổi, thay thế hoặc rút HSMT sau thời điểm đóng thầu cho đến khi hết hạn hiệu lực của HSMT mà nhà thầu đã ghi trong Đơn dự thầu hoặc đến khi hết hạn hiệu lực đã gia hạn của HSMT.

Mục 23. Mở thầu

23.1. Ngoại trừ các trường hợp quy định tại Mục 21 và Mục 22 CDNT, ngay sau thời điểm đóng thầu, Bên mời thầu tiến hành mở thầu công khai trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự mở thầu, việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu.

23.2. Trường hợp nhà thầu có đề nghị rút hoặc thay thế HSMT thì trước tiên Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ các thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “RÚT HSMT”, túi đựng HSMT của nhà thầu có đề nghị rút HSMT sẽ được giữ nguyên niêm phong và trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu rút HSMT và vẫn mở HSMT tương ứng nếu văn bản thông báo “RÚT HSMT” không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu và phải được công khai trong lễ mở thầu.

Tiếp theo, Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “THAY THẾ HSMT” và HSMT thay thế này sẽ được thay cho HSMT bị thay thế. HSMT bị thay thế sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu thay thế

HSDT nếu văn bản thông báo thay thế HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu và phải được công khai trong lễ mở thầu.

Đối với các túi đựng văn bản thông báo “SỬA ĐỔI HSDT” thì văn bản thông báo gửi kèm sẽ được mở và đọc to, rõ cùng với các HSDT sửa đổi tương ứng. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu sửa đổi HSDT nếu văn bản thông báo sửa đổi HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu. Chỉ có các HSDT được mở và đọc tại buổi mở HSDT mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.

23.3. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSDT, HSDT sửa đổi (nếu có) hoặc HSDT thay thế (nếu có) và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp, giá dự thầu ghi trong Đơn dự thầu, giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDT, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong buổi mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc Đơn dự thầu, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá chào hàng, giấy uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thư giảm giá (nếu có), thoả thuận liên danh (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 21 CDNT.

23.4. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại Mục 23.3 CDNT. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Bên mời thầu tại buổi mở thầu và các nhà thầu tham dự mở thầu (nếu có). Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được đăng tải trên trang web <https://bacninh.petrolimex.com.vn> của Công ty Xăng dầu Bắc Ninh.

Mục 24. Bảo mật

24.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai khi mở thầu.

24.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT theo quy định tại Mục 25 CDNT và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.

Mục 25. Làm rõ HSDT

25.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu. Tất cả các yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và phản hồi của nhà thầu phải được thực hiện bằng văn bản. Trường hợp HSDT của nhà thầu thiếu tài liệu

chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá chào hàng. Nhà thầu phải thông báo cho Bên mời thầu về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSDT bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

25.2. Việc làm rõ HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện thông qua văn bản.

25.3. Trường hợp sau khi đóng thầu, nhà thầu phát hiện HSDT của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì được phép tự gửi tài liệu đến Bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Trong khoảng thời gian theo quy định tại BDL, Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDT. Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc đã nhận được các tài liệu làm rõ của nhà thầu bằng một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

25.4. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ HSDT được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDT của nhà thầu theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu.

25.5. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu có thể gửi văn bản yêu cầu nhà thầu có khả năng trúng thầu đến làm việc trực tiếp với Bên mời thầu để làm rõ HSDT. Nội dung làm rõ HSDT phải được ghi cụ thể thành biên bản. Việc làm rõ HSDT trong trường hợp này phải bảo đảm tính khách quan, minh bạch.

Mục 26. Xác định tính đáp ứng của HSDT

26.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 11 CDNT.

26.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Trong đó, “sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT; “đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT; “bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDT mà:

a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;

b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của

nhà thầu khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT.

26.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo Mục 14 CDNT và việc kiểm tra đề xuất kỹ thuật nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần thứ hai đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót các nội dung cơ bản.

26.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT đó nhằm làm cho nó trở thành đáp ứng cơ bản HSMT.

Mục 27. Sai sót không nghiêm trọng

27.1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì Bên mời thầu có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT.

27.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của giá dự thầu; nếu không đáp ứng yêu cầu nói trên của Bên mời thầu thì HSDT của nhà thầu có thể sẽ bị loại.

27.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, Bên mời thầu sẽ điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu. Theo đó, giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ hoàn toàn nhằm mục đích so sánh các HSDT.

Mục 28. Đánh giá HSDT

28.1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT:

a) Việc kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

b) Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

28.2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

a) Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

b) Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật.

28.3. Đánh giá về kỹ thuật và đánh giá về giá:

a) Việc đánh giá về kỹ thuật được thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định tại Mục 3 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét đánh giá tiếp về giá theo quy định tại Mục 3 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

28.4. Sau khi đánh giá về giá, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu theo quy định tại Mục 3 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT và trình Chủ đầu tư

phê duyệt. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng.

Mục 29. Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch

29.1 Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSDT bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào hàng. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Mục này;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSMT;

- Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.

29.2 Hiệu chỉnh các sai lệch

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi khối lượng công việc thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, tỷ lệ phần trăm (%) được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong Đơn dự thầu;

Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định, bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch đối với HSDT của nhà thầu. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của bên mời thầu thì HSDT của nhà thầu đó sẽ bị loại.

Mục 30. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu

Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu: Trao thầu cho nhà thầu có (1) tổng số điểm kỹ thuật cao hơn; (2) số lần hợp tác với Petrolimex nhiều hơn..

Mục 31. Thương thảo hợp đồng

31.1. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:

- a) Báo cáo đánh giá HSDT;
- b) HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu;
- c) HSMT.

31.2. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSMT;

b) Không được làm tăng đơn giá đã xác định tại HSDT.

31.3. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDT (nếu có);

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác của hợp đồng: nhân sự, tiến độ thực hiện, giá hợp đồng, phương thức thanh toán, phương thức giải quyết tranh chấp, ...

31.4. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng, các nội dung cụ thể của hợp đồng.

31.5. Trường hợp thương thảo không thành công, bộ phận nghiệp vụ báo cáo Người có thẩm quyền xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hoặc quyết định tổ chức lại về lựa chọn nhà thầu.

Mục 32. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

32.1. Có HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

32.2. Có năng lực và kinh nghiệm, nhân sự chủ chốt đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

32.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

32.4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;

32.5. Nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất.

32.6. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

Mục 33. Hủy thầu

33.1. Bên mời thầu sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây:

- a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu nêu trong HSMT;
- b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã ghi trong HSMT;
- c) HSMT không tuân thủ quy định của Quy chế Lựa chọn nhà thầu vận chuyển xăng dầu đường bộ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Xăng dầu Bắc Ninh dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;
- d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định của Quy chế Lựa chọn nhà thầu vận chuyển xăng dầu đường bộ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Xăng dầu Bắc Ninh;
- e) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định của Quy chế Lựa chọn nhà thầu vận chuyển xăng dầu đường bộ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Xăng dầu Bắc Ninh dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;
- f) Nhu cầu sử dụng dịch vụ thay đổi theo quyết định của Người có thẩm quyền.

33.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu (theo quy định tại Mục 33.1 CDNT) phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 33.1 CDNT, trong thời hạn 05 ngày làm việc Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho các nhà thầu dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d Mục 33.1 CDNT.

Mục 34. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

34.1. Trong thời hạn quy định tại BDL, Bên mời thầu phải đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên trang web: <http://bacninh.petrolimex.com.vn> của Công ty Xăng dầu Bắc Ninh.

34.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 CDNT, trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu.

34.3. Sau khi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Mục 34.1 CDNT, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa là 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu Bên mời thầu phải có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 35. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

35.1. Trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu số 17 Chương VI – Thư chấp thuận và hợp đồng hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

35.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Gây ra thiệt hại cho Chủ đầu tư nhưng không thực hiện đầy đủ các chế tài theo yêu cầu của Chủ đầu tư và quy định của Hợp đồng.

Mục 36. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

Các nội dung liên quan đến kiến nghị và giải quyết kiến nghị trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu được quy định tại Quy chế Lựa chọn nhà thầu vận chuyển xăng dầu đường bộ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Xăng dầu Bắc Ninh.

Mục 37. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu

Việc tổ chức giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo Quyết định của Người có thẩm quyền được quy định tại Quy chế Lựa chọn nhà thầu vận chuyển xăng dầu đường bộ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Xăng dầu Bắc Ninh.

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU GÓI THẦU

CDNT 1.1	Tên Bên mời thầu là: Công ty Xăng dầu Bắc Ninh.
CDNT 1.2	Thời gian thực hiện hợp đồng là: Từ ngày 01/08/2025 đến hết ngày 31/12/2025.
CDNT 2	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): Chi phí sản xuất, kinh doanh của Công ty Xăng dầu Bắc Ninh.
CDNT 6.1	Thời gian nhà thầu gửi văn bản làm rõ HSMT là: 03 ngày và không muộn hơn 15 ^h 30 ngày 26/07/2025.
CDNT 7.3	Tài liệu sửa đổi HSMT sẽ được Bên mời thầu gửi đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSMT từ Bên mời thầu trước ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu 02 ngày làm việc. Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMT không đáp ứng theo quy định thì Bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.
CDNT 11	Nhà thầu phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây: Giấy đăng ký kinh doanh, quyết định thành lập hoặc tài liệu khác tương đương, các Giấy phép hoạt động phù hợp với ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật (Bản sao chứng thực).
CDNT 15.2	Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu bao gồm: Theo quy định cụ thể tại Mẫu số 15.
CDNT 16.1	Thời hạn hiệu lực của HSDT là: ≥ 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 17.2	Bảo đảm dự thầu: - Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: 200 000 000 đồng (<i>Hai trăm triệu đồng</i>), bằng hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành. - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: bằng thời gian có hiệu lực của HSDT cộng thêm 30 ngày.
CDNT 17.4	Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa là 20 ngày, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu.
CDNT 18.1	Số lượng bản chụp HSDT là: 02 bản.

CDNT 20.1	Địa chỉ của Bên mời thầu (sử dụng để nộp HSDT): Công ty Xăng dầu Bắc Ninh Địa chỉ: Khu Xuân Ổ B, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh Điện thoại: 0223 895 558 Thời điểm đóng thầu là: 15^h 30 phút, ngày 28 tháng 07 năm 2025.
CDNT 25.3	Nhà thầu được tự gửi tài liệu để làm rõ HSDT đến Bên mời thầu trong vòng: 03 ngày , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 37	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát: Không có.

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT

1.1. Kiểm tra HSDT:

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDT;

b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSDT, bao gồm hồ sơ về hành chính, pháp lý, hồ sơ về năng lực và kinh nghiệm, đề xuất về kỹ thuật của nhà thầu theo yêu cầu của HSMT, trong đó có: Đơn dự thầu, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền ký Đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về giá dự thầu và các thành phần khác thuộc HSDT theo quy định tại Mục 11 CDNT;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDT.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT:

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSDT và **02** bản chụp;

b) Có Đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT. Đối với nhà thầu liên danh, Đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký Đơn dự thầu theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;

c) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong Đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật đồng thời đáp ứng thời gian theo yêu cầu của HSMT;

d) Giá dự thầu ghi trong Đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên

mời thầu;

đ) Thời hạn hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 16.1 CDNT;

e) Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 17.3 CDNT. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, tên của Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng) theo quy định tại Mục 17.2 CDNT.

g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu;

h) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) và trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu;

i) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 11 CDNT.

Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm. Nhà thầu có HSDT không hợp lệ thì sẽ bị loại và không được xem xét đánh giá các nội dung tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

1. Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh (trừ tiêu chí doanh thu theo hướng dẫn nêu tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm); nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại các khoản 1, 2 Mục này. Nhà thầu không đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì HSDT sẽ bị loại và không được xem xét đánh giá các nội dung tiếp theo.

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽¹⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽¹⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Không có nợ xấu thuế	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Sản lượng chuyên chở xăng dầu cho Cửa hàng xăng dầu bình quân hằng năm	Sản lượng vận chuyển xăng dầu bằng xe xitec bình quân hằng năm của năm 2022, 2023, 2024 của nhà thầu hoặc từng thành viên liên danh (đối với nhà thầu liên danh) đạt mức 6.800.000 m ³ km	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 10
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu hoặc từng thành viên nhà thầu trong liên danh (trường hợp liên danh) đã hoàn thành tối thiểu 02 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽²⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó: Hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: 02; - Trong đó có tối thiểu 01 hợp đồng có sản lượng vận chuyển vận chuyển xăng dầu bằng xe xitec tối thiểu: 6.800.000 m ³ km /hợp đồng/năm	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 11

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
5	Giao, nhận hàng hoá	Nhà thầu có quy trình, biện pháp kiểm tra, giám sát, đảm bảo chất lượng hàng hóa khi vận chuyển, giao nhận xăng dầu bằng xe xitec, trong đó có đề cập đến các phương pháp đo, và biện pháp lấy/lưu mẫu trong giao nhận. Quy trình phải được ban hành dưới dạng văn bản trước 03 năm.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 15 và các văn bản quy định của đơn vị
6	Đảm bảo khả năng hoàn thành dịch vụ	Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng, phương tiện thay thế cho các phương tiện vận chuyển trong các điều kiện bình thường, hoạt động ngày lễ/tết. Huy động phương tiện, lái xe tại các thời điểm nhu cầu vận chuyển xăng dầu cao hơn 30% so với các thời điểm bình thường	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Không áp dụng	Mẫu số 15 Trình bày vào phương pháp luận

Ghi chú:

(1) Hợp đồng không hoàn thành bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận kết luận của Chủ đầu tư nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

(2) Hoàn thành công việc, nhà thầu liên danh, nhà thầu phụ

- Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

- Hoàn thành phần lớn nghĩa vụ là hoàn thành ít nhất 80% khối lượng công việc của hợp đồng.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
1	Phụ trách quản lý chung	≥ 03 người	Tham gia tối thiểu 02 hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Mẫu số 12 kèm theo bản chứng thực: + Hợp đồng lao động còn hiệu lực để thực hiện hết gói thầu hoặc khả năng huy động nhân sự; + Bằng tốt nghiệp đại học trở lên. + Bản kê khai kinh nghiệm. + Chứng chỉ an toàn lao động.
2	Cán bộ quản lý kỹ thuật: có chuyên ngành có liên quan đến chuyên ngành ô tô	≥ 03 người	Tham gia tối thiểu 02 hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Mẫu số 13 kèm theo bản chứng thực: + Hợp đồng lao động còn hiệu lực để thực hiện hết gói thầu hoặc khả năng huy động nhân sự; + Chứng chỉ chuyên ngành ô tô (Bằng đại học, cao đẳng, trung cấp, ...); + Bản kê khai kinh nghiệm.
3	Công nhân lái xe	≥ 20 người	Phải có kinh nghiệm về việc vận chuyển hàng chất lỏng nguy hiểm dễ cháy nổ	Nhà thầu cung cấp danh sách tối thiểu 20 công nhân lái xe kèm theo các giấy tờ: Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy, Chứng chỉ huấn luyện An toàn lao động, vệ sinh lao động, Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp

				<p>nguy hiểm, Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn về bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu, Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ vận tải</p> <p>Có tối thiểu 16 Lao động lái xe phải có hợp đồng lao động không xác định thời hạn (chiếm 80%), còn lại là lao động có thời hạn tối thiểu 1 năm.</p>
--	--	--	--	---

Yêu cầu về phương tiện

STT	Yêu cầu về phương tiện chủ yếu, loại phương tiện và đặc điểm phương tiện
1	<p>Số phương tiện tối thiểu cần có là 20 phương tiện, và phải sở hữu ít nhất 80% số phương tiện tối thiểu này.</p> <p>Tổng dung tích tối thiểu tham gia vận chuyển cho gói thầu là 400 m³.</p>
2	<p>Có 100% phương tiện vận chuyển tham gia gói thầu được lắp thiết bị giám sát hành trình; có dữ liệu giám sát hành trình đầy đủ và cung cấp cho Công ty Xăng dầu Bắc Ninh và Tập đoàn xăng dầu Việt Nam khi có yêu cầu.</p>
3	<p>Có 100% phương tiện vận chuyển dùng để thực hiện vận chuyển xăng dầu phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện tham gia giao thông theo quy định của Pháp luật, phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, có đầy đủ bảng dung tích/giấy chứng nhận kiểm định về đo lường, giấy phép đăng kiểm và các giấy tờ khác còn hiệu lực theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam.</p> <p>Có 100% có Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ do cơ quan có thẩm quyền cấp (còn thời hạn) và phải bảo đảm, duy trì các điều kiện an toàn về PCCC</p>

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất

1. Nguyên tắc đánh giá HSDX

Bên mời thầu đánh giá HSDX theo tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp (phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá).

Bên mời thầu chỉ thực hiện tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp để lựa chọn nhà thầu đối với các HSDX đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật: Đánh giá theo phương pháp điểm, đạt, không đạt:

- Đánh giá về Tổng điểm kỹ thuật theo thang điểm tối đa là 1.000 điểm.
- Tổng toàn bộ số điểm này sẽ được tính là điểm kỹ thuật của phương án.
- Nhà thầu đạt điểm kỹ thuật là nhà thầu có: (1) tổng điểm kỹ thuật từ 720 điểm trở lên; Tất cả các điểm thành phần đều đạt và tổng điểm lớn hơn hoặc bằng điểm tổng điểm tối thiểu.

Tiêu chuẩn đánh giá theo phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định hệ số giảm giá thấp nhất như sau:

1. Xác định hệ số giảm;
2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));
3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));
4. Xác định hệ số giảm giá chào hàng sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có);
5. Chấm điểm giá chào nhà thầu

Điểm đánh giá về giá chào phí dịch vụ được xác định như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = \frac{G_{\text{thấp nhất}} \times 100}{G_{\text{đang xét}}}$$

- Điểm giá_{đang xét}: Là điểm đánh giá về giá chào phí dịch vụ vận chuyển của HSDT đang xét;

- G_{thấp nhất}: Là hệ số giảm giá phí dịch vụ vận chuyển của bên chào giá sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) thấp nhất trong số các bên chào giá có HSDT hợp lệ và đáp ứng được yêu cầu về tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

- G_{đang xét}: Là hệ số giảm giá phí dịch vụ vận chuyển của bên chào giá sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) của HSDT đang xét.

2. Nguyên tắc chấm điểm HSDX

- Thống nhất sử dụng thang điểm 1.000 để xác định điểm đánh giá về kỹ thuật và giá (thang điểm kỹ thuật chi tiết tại Phụ lục số 01 (Bảng 1)).

- Áp dụng tỷ trọng điểm kỹ thuật là 70% và tỷ trọng điểm về giá là 30% để xác định điểm tổng hợp.

- Xác định điểm tổng hợp:

$$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = (70\% \times \text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}}) + (30\% \times \text{Điểm giá}_{\text{đang xét}})$$

Trong đó:

- Điểm kỹ thuật_{đang xét} : Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;

- Điểm giá_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá.

3. Nguyên tắc xếp hạng HSDX

- Bên mời thầu lựa chọn nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất để đàm phán trực tiếp và ký kết hợp đồng.

- Trong trường hợp nhà thầu được lựa chọn thương thảo hợp đồng từ chối ký hợp đồng, Bên mời thầu sẽ chọn nhà thầu có điểm cao liền sau kế tiếp để tiếp tục đàm phán và ký kết hợp đồng.

- Trường hợp các HSDT có cùng điểm đạt được thì HSDT của nhà thầu được ưu tiên xếp hạng cao hơn lần lượt theo thứ tự sau: (1) tổng số điểm kỹ thuật cao hơn; (2) số lần hợp tác với Bên mời thầu nhiều hơn.

Phụ lục I: Thang điểm đánh giá về kỹ thuật

Bảng 1: áp dụng đối với Công ty xăng dầu không có yêu cầu xe xitec có giấy phép được vận chuyển xăng dầu vào nội thành, nội thị.

Mục	Nội dung đánh giá	Mức điểm tối đa	Mức điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu	Ghi chú
I	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu chính	770		510	
1	Số năm kinh nghiệm có ngành nghề phù hợp với gói thầu đang xét	100		70	
	<i>Lớn hơn 05 năm</i>		100		
	<i>Từ 03 đến 05 năm</i>		70	70	
	<i>dưới 03 năm</i>		0		
2	Từ năm 2022 đến nay, số hợp đồng tương tự về vận chuyển xăng dầu bằng xe xitec/nhà thầu độc lập hoặc bình quân thành viên trong liên danh	120		80	Tính số hợp đồng chi tiết đối với từng nhà thầu trong thầu liên danh
	<i>Từ 02 hợp đồng/nhà thầu độc lập hoặc bình quân thành viên trong liên danh</i>		120		
	<i>01 hợp đồng/ nhà thầu độc lập hoặc bình quân thành viên trong liên danh</i>		80	80	

	<i>Dưới 2 hợp đồng/ nhà thầu độc lập hoặc bình quân thành viên trong liên danh</i>		0		
3	Số lượng xe ô tô xi téc thực hiện gói thầu	150		<u>100</u>	
	<i>≥ 20 xe ô tô xi téc chở xăng dầu (100 % số phương tiện tối thiểu phải có, tương ứng với 120% số phương tiện tối thiểu thuộc sở hữu của nhà thầu theo yêu cầu của HSMT)</i>		150		
	<i>≥ 16 và < 20 xe ô tô xi téc chở xăng dầu (80%-100%) số phương tiện tối thiểu cần có tương ứng với 100% số phương tiện tối thiểu thuộc sở hữu của nhà thầu theo yêu cầu của HSMT)</i>		120		
	<i>≥ 14 và < 16 xe ô tô xi téc chở xăng dầu (70%-80%) số phương tiện tối thiểu cần có tương ứng với 100% số phương tiện tối thiểu thuộc sở hữu của nhà thầu theo yêu cầu của HSMT)</i>		100	100	
	<i>< 14 xe ô tô xi téc chở xăng dầu (dưới 70% số phương tiện tối thiểu cần có tương ứng với dưới 80% số phương tiện tối thiểu thuộc sở hữu của nhà thầu theo yêu cầu tối thiểu của HSMT)</i>		0		
4	Tổng dung tích xe ô tô xi téc chở xăng dầu thực hiện gói thầu	160		<u>110</u>	
	<i>> 400m³ (lớn hơn 100% dung tích theo yêu cầu của HSMT)</i>		160		
	<i>< 400m³ và ≥ 320m³ (từ 80%-100%) số xe dung tích theo yêu cầu của HSMT)</i>		130		
	<i>< 320 m³ và ≥ 280m³ (từ 70%-80%) số xe dung tích theo yêu cầu của HSMT)</i>		110	110	
	<i>< 280 m³ (dưới 70% số xe dung tích theo yêu cầu của HSMT)</i>		0		
5	Sản lượng vận chuyển xăng dầu bằng xe xitec trong 03 năm (2022, 2023, 2024)/ nhà thầu độc lập hoặc bình quân thành viên trong liên danh	240		<u>195</u>	Tính sản lượng vận chuyển chi tiết đối với từng nhà thầu liên danh
5.1	Năm 2022	80		<u>50</u>	

	<i>Có sản lượng $\geq 6\,800\,000\text{ m}^3\text{km/nhà thầu độc lập hoặc bình quân thành viên trong liên danh (100\% sản lượng vận chuyển theo yêu cầu của HSMT)$</i>		80		
	<i>Có sản lượng $\geq 5\,440\,000\text{ m}^3\text{km}$ và $< 6\,800\,000\text{ m}^3\text{km}$ /nhà thầu độc lập hoặc bình quân thành viên trong liên danh (từ 80% -100% sản lượng vận chuyển theo yêu cầu của HSMT)</i>		65		
	<i>Có sản lượng $\geq 4\,760\,000\text{ m}^3\text{km}$ và $< 5\,440\,000\text{ m}^3\text{km}$ /nhà thầu độc lập hoặc bình quân thành viên trong liên danh (từ 70% -80% sản lượng vận chuyển theo yêu cầu của HSMT)</i>		50		
	<i>Có sản lượng $< 4\,760\,000\text{ m}^3\text{km/nhà thầu độc lập hoặc bình quân thành viên trong liên danh (dưới 70\% sản lượng vận chuyển theo yêu cầu của HSMT)$</i>		0		
5.2	Năm 2023	80		<u>50</u>	
	<i>Có sản lượng $\geq 6.800.000\text{m}^3\text{km/nhà thầu độc lập hoặc bình quân thành viên trong liên danh (100\% sản lượng vận chuyển theo yêu cầu của HSMT)$</i>		80		
	<i>Có sản lượng $\geq 5\,440\,000\text{ m}^3\text{km}$ và $< 6\,800\,000\text{ m}^3\text{km}$ /nhà thầu độc lập hoặc bình quân thành viên trong liên danh (từ 80% -100% sản lượng vận chuyển theo yêu cầu của HSMT)</i>		65		
	<i>Có sản lượng $\geq 4\,760\,000\text{ m}^3\text{km}$ và $< 5\,440\,000\text{ m}^3\text{km}$ /nhà thầu độc lập hoặc bình quân thành viên trong liên danh (từ 70% -80% sản lượng vận chuyển theo yêu cầu của HSMT)</i>		50	<u>50</u>	
	<i>Có sản lượng $< 4\,760\,000\text{ m}^3\text{km/nhà thầu độc lập hoặc bình quân thành viên trong liên danh (dưới -70\% sản lượng vận chuyển theo yêu cầu của HSMT)$</i>		0		
5.3	Năm 2024	80		<u>50</u>	
	<i>Có sản lượng $\geq 6.800.000\text{ m}^3\text{km/nhà thầu độc lập hoặc bình quân thành viên trong liên danh (100\% sản lượng vận chuyển theo yêu cầu của HSMT)$</i>		80		
	<i>Có sản lượng $\geq 5\,440\,000\text{ m}^3\text{km}$ và $< 6\,800\,000\text{ m}^3\text{km}$ /nhà thầu độc lập hoặc bình quân thành viên trong liên danh (từ 80% -100% sản lượng vận chuyển theo yêu cầu của HSMT)</i>		65		

	<i>Có sản lượng $\geq 4\,760\,000\text{ m}^3\text{km}$ và $< 5\,440\,000\text{ m}^3\text{km}$/nhà thầu độc lập hoặc bình quân thành viên trong liên danh (từ 70% -80% sản lượng vận chuyển theo yêu cầu của HSMT)</i>		50	<u>50</u>	
	<i>Có sản lượng $< 4\,760\,000\text{ m}^3\text{km}$ /nhà thầu độc lập hoặc bình quân thành viên trong liên danh (dưới -70% sản lượng vận chuyển theo yêu cầu của HSMT)</i>		0		
II	Các cam kết và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu	230		210	
1	Có cam kết và phương án xử lý sự cố xảy ra trong quá trình vận chuyển, giao nhận xăng dầu (sự cố cháy nổ/môi trường)	40		<u>30</u>	
	Nhà thầu có cam kết kèm theo phương án xử lý nếu có sự cố (cháy nổ/môi trường) xảy ra trong suốt quá trình vận chuyển, giao nhận xăng dầu, phương án rõ nhận, đầy đủ		40		
	Nhà thầu có cam kết kèm theo phương án xử lý nếu có sự cố (cháy nổ/môi trường) xảy ra trong suốt quá trình vận chuyển, giao nhận xăng dầu nhưng phương án chưa đầy đủ		30	30	
	Nhà thầu không có cam kết và phương án xử lý		0		
2	Kiểm soát quá trình vận chuyển	40		<u>40</u>	
	Có 100% phương tiện vận chuyển tham gia gói thầu được lắp thiết bị giám sát hành trình, có nhật trình đầy đủ và cung cấp cho		40	40	
	Có dưới 100% phương tiện tham gia gói thầu không có đầy đủ hoặc không có thiết bị giám sát hành trình		0		
3	Biện pháp kiểm tra chất lượng	40		<u>40</u>	
	Nhà thầu có biện pháp kiểm tra, giám sát chất lượng hàng hóa khi giao hàng, trong đó có đề cập đến các phương pháp đo, và biện pháp lấy/lưu mẫu trong giao nhận		40	40	

	Nhà thầu không có biện pháp kiểm tra, giám sát chất lượng hàng hóa khi giao hàng, trong đó có đề cập đến các phương pháp đo, và biện pháp lấy/lưu mẫu trong giao nhận		0		
4	Biện pháp giao hàng	40		<u>40</u>	
	Nhà thầu phải có quy trình, biện pháp giao hàng tới điểm do Bên mời thầu chỉ định chi tiết đầy đủ		40	40	
	Nhà thầu không có biện pháp hoặc có quy trình, biện pháp giao hàng tới điểm do Bên mời thầu chỉ định nhưng chưa chi tiết đầy đủ		0	0	
5	Quy trình làm sạch khoang chứa hàng của phương tiện trước khi nhận hàng hóa.	40		<u>40</u>	
	Nhà thầu phải có quy trình, biện pháp làm sạch khoang chứa hàng của phương tiện trước khi nhận hàng hóa		40	40	
	Nhà thầu không có quy trình, biện pháp làm sạch khoang chứa hàng của phương tiện trước khi nhận hàng hóa		0		
6	Bố trí nhân sự	30		<u>20</u>	
	Nhà thầu có thuyết minh biện pháp tổ chức nhân sự và có bảng bố trí nhân sự chi tiết về cán bộ chủ chốt và kỹ sư lành nghề kèm theo bảng mô tả chức năng, nhiệm vụ của các vị trí công việc để thực hiện gói thầu một cách khoa học và hợp lý		30		
	Nhà thầu có thuyết minh biện pháp tổ chức nhân sự và có bảng bố trí nhân sự chi tiết về cán bộ chủ chốt và kỹ sư lành nghề kèm theo bảng mô tả chức năng, nhiệm vụ của các vị trí công việc để thực hiện gói thầu nhưng chưa chi tiết và khoa học		20	20	
	Nhà thầu không có biện pháp tổ chức nhân sự		0		
Tổng số điểm		<u>1000</u>		<u>720</u>	

Ghi chú:

Ngoài các nội dung tài liệu trong hồ sơ dự thầu của đơn vị, Bên mời thầu và đơn vị đánh giá hồ sơ dự thầu có quyền sử dụng các tài liệu khác liên quan để đối chiếu, đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.

Chương IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

STT	Nội dung	Áp dụng Mẫu	Ghi chú
1	Đơn dự thầu	Mẫu số 01	
2	Giấy ủy quyền	Mẫu số 02	Chỉ áp dụng trong trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu có ủy quyền trong đấu thầu
3	Thỏa thuận liên danh	Mẫu số 03	Chỉ áp dụng trong các trường hợp nhà thầu liên danh tham dự thầu
4	Bảo lãnh dự thầu	Mẫu số 04	Áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập thực hiện bảo đảm dự thầu theo hình thức bảo lãnh của ngân hàng
5	Bảng tổng hợp giá dự thầu	Mẫu số 05	Áp dụng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh
6	Bản kê khai thông tin về nhà thầu	Mẫu số 6(a)	
	Bản Kê khai về nhà thầu liên danh	Mẫu số 6(b)	Chỉ áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh tham dự thầu
7	Danh sách các công ty đảm nhận phần công việc của gói thầu	Mẫu số 07	Chỉ áp dụng trong trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ
8	Hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ	Mẫu số 08	
9	Tình hình tài chính trước đây của nhà thầu	Mẫu số 09	
10	Sản lượng vận chuyển bằng xe xitec bình quân hàng năm	Mẫu số 10	

11	Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Mẫu số 11	
12	Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt	Mẫu số 12	
13	Lý lịch nhân sự chủ chốt	Mẫu số 13	
14	Bảng kê khai phương tiện	Mẫu số 14	
15	Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện dịch vụ phi tư vấn	Mẫu số 15	

ĐƠN DỰ THẦU ⁽¹⁾
(thuộc HSDT)

Ngày: [ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu]

Tên gói thầu: [ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]

Tên nhiệm vụ: [ghi tên nhiệm vụ]

Kính gửi: [ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ___ [ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ___ [ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu với thời gian thực hiện hợp đồng là ___ [ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu] ⁽²⁾. Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian ___ ⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___ ⁽⁴⁾ [Ghi ngày có thời điểm đóng thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà thầu chính.
 2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
 3. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
 4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
 5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.
- Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ mời thầu.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu ⁽⁵⁾
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDT, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và tiến độ cung cấp, hoàn thành dịch vụ (nếu có) nêu trong HSDT.

(3) Ghi số ngày có hiệu lực theo quy định của HSMT.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định của HSMT.

(5) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp

từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bán chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm Mục 3 CDNT.

Mẫu số 02

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*ghi tên, số CMND/CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*ghi tên, số CMND/CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] do ____ [*ghi tên Bên mời thầu*] tổ chức:

[- Ký Đơn dự thầu;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ Hồ sơ mời thầu và văn bản giải trình, làm rõ Hồ sơ dự thầu hoặc văn bản đề nghị rút Hồ sơ dự thầu, sửa đổi, thay thế Hồ sơ dự thầu;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*ghi tên nhà thầu*]. ____ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

Người ủy quyền

*[ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.3 CDNT. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

Mẫu số 03

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Căn cứ Hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____ [ngày được ghi trên HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu]

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công cho ___[ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

[-Ký Đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT, sửa đổi, thay thế HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Thực hiện nguồn lực tài chính cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ___[ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽⁴⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng khối lượng chào hàng
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ___ - ___	- ___% - ___%
2	Tên thành viên thứ 2	- ___ - ___	- ___% - ___%
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ___[ghi tên gói thầu] theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành ___bản, mỗi bên giữ ___bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp,

- (3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.
- (4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾**Bên thụ hưởng:** ___[ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]**Ngày phát hành bảo lãnh:** ___[ghi ngày phát hành bảo lãnh]**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** ___[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]**Bên bảo lãnh:** ___[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu] theo Thư mời thầu/thông báo mời thầu số [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/thông báo mời thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút Hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của Hồ sơ dự thầu;

2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại Chi dẫn nhà thầu của Hồ sơ mời thầu;

3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chi dẫn nhà thầu của Hồ sơ mời thầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của Hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 18.2 BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21.1 BDL.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

Tên gói thầu:

(áp dụng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)

I. Bảng đơn giá cước Petrolimex ban hành:

- Phụ biểu 05.1 kèm theo.

II. Khối lượng vận chuyển, đơn giá cước bình quân theo dự toán tại thời điểm mời thầu:

- Phụ biểu 05.2 kèm theo.

III. Giá dự thầu:

- Hệ số giảm giá so bảng đơn giá cước Tập đoàn:

+ Hệ số giảm giá: (HSgg) tối đa bằng 1.

+ HSgg được xác định: $HSgg = (\text{Đơn giá mời thầu} - \text{Đơn giá dự thầu}) / \text{Đơn giá mời thầu}$.

- Đơn giá dự thầu = Đơn giá cước Petrolimex ban hành * (1 - Hệ số giảm giá).

- Hệ số giảm giá áp dụng đồng nhất cho tất cả các đơn giá trong bảng cước của Petrolimex.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG ĐƠN GIÁ CƯỚC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

(Ban hành kèm theo VB 1080/PLX-TCKT ngày 14/7/2025 của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam về việc điều chỉnh giá cước vận chuyển đường bộ theo biến động giá nhiên liệu)

ĐVT: đồng/m³ km dầu sáng, đồng/támk mazut

Cự ly (Km)	Đường loại 1		Đường loại 2		Đường loại 3		Đường loại 4		Đường loại 5		Đường loại 6	
	Dầu sáng	Dầu mazut	Dầu sáng	Dầu mazut	Dầu sáng	Dầu mazut	Dầu sáng	Dầu mazut	Dầu sáng	Dầu mazut	Dầu sáng	Dầu mazut
1	26.810	26.843	26.922	26.960	27.147	27.195	27.297	27.351	27.447	27.507	27.560	27.625
2	14.520	14.552	14.632	14.670	14.857	14.904	15.007	15.061	15.157	15.217	15.269	15.335
3	10.378	10.411	10.490	10.528	10.715	10.763	10.865	10.919	11.015	11.076	11.128	11.193
4	8.279	8.311	8.391	8.429	8.616	8.663	8.766	8.820	8.916	8.976	9.028	9.094
5	7.000	7.033	7.112	7.150	7.337	7.385	7.487	7.541	7.637	7.697	7.750	7.815
6	6.134	6.166	6.246	6.284	6.471	6.518	6.621	6.675	6.771	6.831	6.883	6.948
7	5.504	5.537	5.617	5.654	5.842	5.889	5.992	6.046	6.142	6.202	6.254	6.319
8	5.068	5.101	5.181	5.218	5.406	5.453	5.556	5.610	5.706	5.766	5.818	5.883
9	4.686	4.718	4.798	4.836	5.023	5.070	5.173	5.227	5.323	5.383	5.435	5.501
10	4.375	4.407	4.487	4.525	4.712	4.759	4.862	4.916	5.012	5.072	5.124	5.190
11	4.167	4.197	4.271	4.306	4.479	4.523	4.618	4.668	4.757	4.813	4.861	4.921
12	3.935	3.966	4.039	4.074	4.247	4.291	4.386	4.436	4.525	4.581	4.629	4.690
13	3.768	3.799	3.872	3.907	4.080	4.124	4.219	4.269	4.358	4.414	4.462	4.523
14	3.625	3.655	3.729	3.764	3.937	3.981	4.076	4.126	4.215	4.271	4.319	4.379
15	3.469	3.500	3.573	3.608	3.782	3.826	3.920	3.970	4.059	4.115	4.163	4.224
16	3.361	3.391	3.465	3.500	3.673	3.717	3.812	3.862	3.951	4.007	4.055	4.115
17	3.265	3.295	3.369	3.404	3.577	3.621	3.716	3.766	3.855	3.911	3.959	4.019
18	3.151	3.181	3.255	3.289	3.492	3.536	3.631	3.681	3.770	3.826	3.874	3.934
19	3.074	3.105	3.178	3.213	3.387	3.431	3.525	3.575	3.664	3.720	3.768	3.829
20	3.006	3.036	3.110	3.145	3.318	3.362	3.457	3.507	3.596	3.652	3.700	3.760
21	2.871	2.900	2.973	3.007	3.203	3.246	3.339	3.388	3.475	3.530	3.578	3.637
22	2.814	2.844	2.916	2.951	3.147	3.190	3.283	3.332	3.419	3.474	3.521	3.580
23	2.763	2.793	2.865	2.899	3.069	3.112	3.231	3.280	3.368	3.422	3.470	3.529
24	2.691	2.721	2.793	2.827	3.022	3.065	3.158	3.207	3.294	3.349	3.396	3.456
25	2.648	2.677	2.750	2.784	2.979	3.021	3.115	3.164	3.251	3.306	3.353	3.412
26	2.608	2.637	2.710	2.744	2.914	2.957	3.075	3.123	3.211	3.265	3.313	3.372
27	2.548	2.578	2.650	2.684	2.877	2.920	3.037	3.086	3.174	3.228	3.276	3.335
28	2.513	2.543	2.616	2.650	2.842	2.885	3.003	3.052	3.139	3.194	3.241	3.300
29	2.481	2.511	2.583	2.618	2.788	2.831	2.971	3.020	3.107	3.162	3.209	3.268
30	2.430	2.460	2.532	2.566	2.758	2.801	2.917	2.965	3.053	3.107	3.155	3.214
31	2.435	2.465	2.537	2.571	2.762	2.805	2.920	2.969	3.056	3.111	3.158	3.217
32	2.408	2.437	2.509	2.543	2.713	2.756	2.893	2.942	3.029	3.084	3.131	3.190
33	2.362	2.391	2.464	2.498	2.687	2.730	2.868	2.917	3.003	3.058	3.105	3.164
34	2.338	2.367	2.439	2.474	2.663	2.706	2.844	2.893	2.979	3.034	3.081	3.140
35	2.315	2.345	2.417	2.451	2.620	2.663	2.821	2.870	2.956	3.011	3.058	3.118
36	2.275	2.304	2.376	2.410	2.599	2.642	2.799	2.848	2.935	2.990	3.037	3.096
37	2.254	2.284	2.356	2.390	2.579	2.622	2.756	2.805	2.892	2.947	2.993	3.053
38	2.217	2.247	2.319	2.353	2.559	2.602	2.737	2.786	2.872	2.927	2.974	3.034
39	2.199	2.229	2.301	2.335	2.522	2.565	2.719	2.768	2.854	2.909	2.956	3.015
40	2.182	2.211	2.283	2.317	2.505	2.548	2.701	2.750	2.837	2.892	2.939	2.998
41	2.148	2.178	2.250	2.284	2.488	2.531	2.685	2.734	2.820	2.875	2.922	2.982
42	2.133	2.162	2.234	2.268	2.473	2.516	2.669	2.718	2.805	2.860	2.906	2.966
43	2.118	2.147	2.219	2.253	2.440	2.483	2.654	2.703	2.790	2.845	2.892	2.951
44	2.087	2.117	2.189	2.223	2.425	2.468	2.618	2.667	2.776	2.830	2.877	2.937
45	2.074	2.103	2.175	2.210	2.412	2.455	2.605	2.654	2.740	2.795	2.842	2.901
46	2.046	2.075	2.147	2.182	2.399	2.442	2.592	2.641	2.727	2.782	2.829	2.888
47	2.033	2.063	2.135	2.169	2.386	2.429	2.579	2.628	2.715	2.770	2.816	2.876
48	2.007	2.037	2.109	2.143	2.357	2.400	2.567	2.616	2.703	2.758	2.804	2.864
49	1.995	2.025	2.097	2.131	2.346	2.389	2.556	2.605	2.691	2.746	2.793	2.852
50	1.984	2.014	2.086	2.120	2.335	2.378	2.545	2.594	2.680	2.735	2.782	2.841
51	1.981	2.010	2.077	2.110	2.317	2.359	2.520	2.568	2.650	2.703	2.746	2.803
52	1.966	1.995	2.062	2.095	2.303	2.345	2.506	2.554	2.637	2.690	2.733	2.791
53	1.952	1.981	2.048	2.081	2.290	2.332	2.493	2.540	2.625	2.678	2.721	2.779
54	1.938	1.967	2.034	2.067	2.277	2.319	2.480	2.527	2.613	2.667	2.709	2.767
55	1.925	1.953	2.021	2.054	2.265	2.307	2.467	2.515	2.602	2.655	2.698	2.756

56	1.912	1.941	2.008	2.041	2.254	2.295	2.455	2.503	2.591	2.644	2.687	2.745
57	1.899	1.928	1.995	2.029	2.242	2.284	2.444	2.491	2.581	2.634	2.677	2.734
58	1.887	1.916	1.983	2.017	2.231	2.273	2.432	2.480	2.571	2.624	2.667	2.724
59	1.876	1.905	1.972	2.005	2.221	2.262	2.422	2.469	2.561	2.614	2.657	2.714
60	1.865	1.893	1.961	1.994	2.210	2.252	2.411	2.459	2.551	2.605	2.647	2.705
61	1.854	1.883	1.950	1.983	2.201	2.242	2.401	2.448	2.542	2.595	2.638	2.696
62	1.843	1.872	1.939	1.973	2.191	2.233	2.391	2.439	2.533	2.587	2.629	2.687
63	1.833	1.862	1.929	1.962	2.182	2.223	2.382	2.429	2.525	2.578	2.621	2.678
64	1.823	1.852	1.919	1.953	2.173	2.214	2.372	2.420	2.516	2.570	2.612	2.670
65	1.814	1.843	1.910	1.943	2.164	2.206	2.363	2.411	2.508	2.562	2.604	2.662
66	1.805	1.833	1.901	1.934	2.156	2.197	2.355	2.402	2.501	2.554	2.597	2.654
67	1.796	1.825	1.892	1.925	2.147	2.189	2.346	2.394	2.493	2.546	2.589	2.647
68	1.787	1.816	1.883	1.916	2.139	2.181	2.338	2.386	2.486	2.539	2.582	2.639
69	1.779	1.807	1.875	1.908	2.132	2.173	2.330	2.378	2.479	2.532	2.575	2.632
70	1.770	1.799	1.866	1.900	2.124	2.166	2.323	2.370	2.472	2.525	2.568	2.625
71	1.762	1.791	1.858	1.892	2.117	2.159	2.315	2.363	2.465	2.518	2.561	2.618
72	1.755	1.783	1.851	1.884	2.110	2.152	2.308	2.355	2.458	2.512	2.554	2.612
73	1.747	1.776	1.843	1.876	2.103	2.145	2.301	2.348	2.452	2.505	2.548	2.605
74	1.740	1.769	1.836	1.869	2.096	2.138	2.294	2.341	2.446	2.499	2.542	2.599
75	1.733	1.761	1.829	1.862	2.090	2.131	2.287	2.335	2.440	2.493	2.536	2.593
76	1.726	1.755	1.822	1.855	2.083	2.125	2.281	2.328	2.434	2.487	2.530	2.587
77	1.719	1.748	1.815	1.848	2.077	2.119	2.274	2.322	2.428	2.481	2.524	2.582
78	1.712	1.741	1.808	1.841	2.071	2.113	2.268	2.316	2.423	2.476	2.519	2.576
79	1.706	1.735	1.802	1.835	2.065	2.107	2.262	2.310	2.417	2.470	2.513	2.571
80	1.700	1.728	1.796	1.829	2.060	2.101	2.256	2.304	2.412	2.465	2.508	2.565
81	1.683	1.711	1.777	1.809	2.037	2.078	2.231	2.277	2.384	2.436	2.478	2.535
82	1.663	1.691	1.756	1.789	2.014	2.054	2.205	2.251	2.357	2.409	2.450	2.506
83	1.646	1.674	1.737	1.769	1.992	2.032	2.181	2.226	2.331	2.382	2.423	2.478
84	1.642	1.670	1.733	1.765	1.988	2.027	2.176	2.221	2.326	2.377	2.417	2.472
85	1.636	1.664	1.727	1.759	1.982	2.022	2.170	2.216	2.321	2.372	2.412	2.467
86	1.631	1.658	1.722	1.753	1.977	2.017	2.165	2.210	2.317	2.367	2.408	2.462
87	1.626	1.653	1.717	1.748	1.972	2.012	2.160	2.205	2.312	2.363	2.403	2.458
88	1.620	1.648	1.711	1.743	1.967	2.007	2.155	2.200	2.308	2.358	2.399	2.453
89	1.615	1.642	1.706	1.738	1.963	2.002	2.150	2.195	2.303	2.354	2.394	2.449
90	1.610	1.637	1.701	1.732	1.958	1.998	2.146	2.191	2.299	2.350	2.390	2.445
91	1.605	1.632	1.696	1.728	1.953	1.993	2.141	2.186	2.295	2.345	2.386	2.440
92	1.600	1.628	1.691	1.723	1.949	1.989	2.136	2.182	2.291	2.341	2.382	2.436
93	1.595	1.623	1.686	1.718	1.945	1.984	2.132	2.177	2.287	2.337	2.377	2.432
94	1.591	1.618	1.682	1.713	1.940	1.980	2.128	2.173	2.283	2.333	2.374	2.428
95	1.586	1.614	1.677	1.709	1.936	1.976	2.123	2.168	2.279	2.329	2.370	2.424
96	1.582	1.609	1.673	1.704	1.932	1.972	2.119	2.164	2.275	2.326	2.366	2.421
97	1.577	1.605	1.668	1.700	1.928	1.968	2.115	2.160	2.271	2.322	2.362	2.417
98	1.573	1.601	1.664	1.696	1.924	1.964	2.111	2.156	2.268	2.318	2.359	2.413
99	1.569	1.596	1.660	1.692	1.920	1.960	2.107	2.152	2.264	2.315	2.355	2.410
100	1.565	1.592	1.656	1.687	1.917	1.956	2.103	2.148	2.261	2.311	2.352	2.406
150	1.403	1.430	1.492	1.523	1.757	1.796	1.936	1.981	2.101	2.151	2.190	2.244
200	1.281	1.306	1.363	1.392	1.619	1.656	1.787	1.829	1.949	1.995	2.031	2.082
300	1.213	1.238	1.296	1.325	1.557	1.594	1.723	1.765	1.891	1.937	1.973	2.024
400	1.179	1.205	1.262	1.291	1.526	1.562	1.691	1.733	1.862	1.908	1.944	1.995
500	1.159	1.184	1.242	1.271	1.507	1.544	1.672	1.714	1.844	1.891	1.927	1.977
600	1.146	1.171	1.228	1.257	1.495	1.531	1.660	1.701	1.833	1.879	1.915	1.966

Ghi chú:

- 1/ Phân loại đường bộ theo Công văn 5787/TCĐBVN-QLBĐB ngày 22/9/2022 của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.
- 2/ Giá cước trên chưa bao gồm: thuế GTGT; phí sử dụng đường bộ (phí cao tốc, BOT, lệ phí cầu đường, phà...) nếu có.
- 3/ Phí bơm rót (nếu có) do các Công ty xăng dầu và Công ty vận tải tự thỏa thuận, thanh toán theo thực tế phát sinh.
- 4/ Phạm vi áp dụng: các CTXD, các đơn vị vận tải sử dụng danh sách các kho tạo nguồn tương ứng để xác định bằng cước vùng dùng thanh toán chi phí vận tải đường bộ. Đối với các tuyến đi qua các quận của Tp. Hà Nội và Tp.HCM và huyện Nhà Bè: sử dụng kết hợp bằng cước vùng và bằng cước đô thị đặc biệt.

STT	Bảng cước vùng	Danh sách Kho/ Tổng kho áp dụng bằng cước
2	Bảng cước Đồng bằng Sông Hồng	Tổng kho Đức Giang, kho K130, K131, K132, K133, K135, kho Khu vực 3, kho Nam Định

BẢNG ĐƠN GIÁ CƯỚC ĐỒ THỊ ĐẶC BIỆT

(Ban hành kèm theo VB 1080/PLX-TCKT ngày 14/7/2025 của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam về việc điều chỉnh giá cước vận chuyển đường bộ theo biến động giá nhiên liệu)

ĐVT: đồng/m³ km dầu sáng, đồng/tánkm mazut

Cự ly (Km)	Đường loại 1		Đường loại 2		Đường loại 3		Đường loại 4		Đường loại 5		Đường loại 6	
	Dầu sáng	Dầu mazut	Dầu sáng	Dầu mazut	Dầu sáng	Dầu mazut	Dầu sáng	Dầu mazut	Dầu sáng	Dầu mazut	Dầu sáng	Dầu mazut
1	26.095	26.125	26.199	26.234	26.407	26.452	26.546	26.597	26.685	26.742	26.789	26.850
2	14.195	14.226	14.299	14.334	14.508	14.552	14.646	14.697	14.785	14.842	14.889	14.951
3	10.266	10.296	10.370	10.405	10.578	10.623	10.717	10.767	10.856	10.912	10.960	11.021
4	8.204	8.235	8.308	8.344	8.517	8.561	8.656	8.706	8.794	8.851	8.899	8.960
5	6.941	6.971	7.045	7.080	7.253	7.298	7.392	7.443	7.531	7.588	7.635	7.696
6	6.080	6.111	6.184	6.220	6.393	6.437	6.532	6.582	6.670	6.727	6.775	6.836
7	5.519	5.550	5.623	5.658	5.831	5.876	5.970	6.021	6.109	6.166	6.213	6.274
8	5.032	5.062	5.136	5.171	5.344	5.388	5.483	5.533	5.622	5.678	5.726	5.787
9	4.704	4.735	4.808	4.843	5.017	5.061	5.155	5.206	5.294	5.351	5.398	5.460
10	4.383	4.413	4.487	4.522	4.695	4.740	4.834	4.885	4.973	5.030	5.077	5.138
11	4.408	4.438	4.511	4.546	4.716	4.760	4.853	4.903	4.990	5.046	5.093	5.153
12	4.155	4.185	4.257	4.292	4.463	4.506	4.600	4.649	4.737	4.792	4.840	4.900
13	3.986	4.016	4.089	4.123	4.294	4.338	4.431	4.481	4.568	4.624	4.671	4.731
14	3.842	3.872	3.944	3.979	4.150	4.193	4.287	4.336	4.424	4.479	4.526	4.587
15	3.667	3.697	3.770	3.805	3.975	4.019	4.112	4.162	4.249	4.305	4.352	4.412
16	3.558	3.588	3.660	3.695	3.866	3.909	4.003	4.052	4.140	4.195	4.242	4.303
17	3.461	3.491	3.564	3.598	3.769	3.813	3.906	3.956	4.043	4.099	4.146	4.206
18	3.375	3.405	3.478	3.512	3.683	3.727	3.820	3.870	3.957	4.013	4.060	4.120
19	3.254	3.284	3.356	3.391	3.606	3.650	3.743	3.793	3.880	3.936	3.983	4.043
20	3.184	3.214	3.287	3.322	3.537	3.581	3.674	3.724	3.811	3.867	3.914	3.974
21	3.089	3.118	3.190	3.224	3.392	3.435	3.527	3.576	3.662	3.717	3.763	3.822
22	3.032	3.061	3.133	3.167	3.335	3.378	3.470	3.519	3.605	3.660	3.706	3.765
23	2.940	2.969	3.041	3.075	3.283	3.326	3.418	3.467	3.553	3.608	3.654	3.713
24	2.892	2.922	2.993	3.027	3.235	3.278	3.370	3.419	3.505	3.560	3.606	3.665
25	2.848	2.878	2.949	2.983	3.152	3.194	3.326	3.375	3.461	3.516	3.562	3.621
26	2.807	2.837	2.909	2.943	3.111	3.154	3.246	3.295	3.381	3.435	3.482	3.541
27	2.733	2.763	2.835	2.869	3.073	3.116	3.208	3.257	3.343	3.398	3.444	3.503
28	2.698	2.728	2.800	2.834	3.038	3.081	3.173	3.222	3.308	3.363	3.410	3.469
29	2.666	2.695	2.767	2.801	2.970	3.012	3.141	3.190	3.276	3.330	3.377	3.436
30	2.636	2.665	2.737	2.771	2.939	2.982	3.111	3.159	3.245	3.300	3.347	3.406
31	2.614	2.644	2.715	2.750	2.952	2.995	3.125	3.174	3.260	3.315	3.361	3.421
32	2.586	2.616	2.688	2.722	2.891	2.934	3.097	3.146	3.232	3.287	3.334	3.393
33	2.561	2.590	2.662	2.696	2.865	2.908	3.071	3.120	3.207	3.261	3.308	3.367
34	2.505	2.534	2.606	2.640	2.841	2.884	3.047	3.096	3.182	3.237	3.284	3.343
35	2.482	2.511	2.583	2.617	2.818	2.861	2.987	3.036	3.122	3.177	3.224	3.283
36	2.460	2.490	2.562	2.596	2.764	2.807	2.965	3.014	3.100	3.155	3.202	3.261
37	2.410	2.440	2.512	2.546	2.744	2.787	2.945	2.994	3.080	3.135	3.181	3.241
38	2.391	2.421	2.492	2.527	2.724	2.767	2.925	2.974	3.061	3.115	3.162	3.221
39	2.373	2.402	2.474	2.508	2.706	2.749	2.907	2.956	3.042	3.097	3.144	3.203
40	2.355	2.385	2.456	2.491	2.689	2.731	2.889	2.938	3.025	3.079	3.126	3.185
41	2.311	2.341	2.413	2.447	2.643	2.686	2.873	2.922	3.008	3.063	3.109	3.169
42	2.295	2.325	2.397	2.431	2.627	2.670	2.857	2.906	2.992	3.047	3.093	3.153
43	2.280	2.310	2.382	2.416	2.612	2.655	2.842	2.890	2.977	3.032	3.078	3.138
44	2.241	2.270	2.342	2.376	2.597	2.640	2.827	2.876	2.962	3.017	3.064	3.123
45	2.227	2.257	2.328	2.362	2.583	2.626	2.779	2.828	2.949	3.003	3.050	3.109
46	2.214	2.243	2.315	2.349	2.570	2.613	2.766	2.815	2.901	2.956	3.003	3.062
47	2.178	2.207	2.279	2.313	2.531	2.574	2.753	2.802	2.889	2.944	2.990	3.049
48	2.165	2.195	2.267	2.301	2.518	2.561	2.741	2.790	2.877	2.931	2.978	3.037
49	2.154	2.183	2.255	2.289	2.507	2.550	2.730	2.779	2.865	2.920	2.966	3.026
50	2.121	2.150	2.222	2.256	2.496	2.539	2.719	2.767	2.854	2.909	2.955	3.015
51	2.254	2.284	2.355	2.388	2.635	2.678	2.866	2.915	3.002	3.056	3.103	3.161
52	2.237	2.267	2.338	2.371	2.620	2.663	2.851	2.899	2.988	3.043	3.089	3.147
53	2.221	2.250	2.321	2.355	2.605	2.648	2.835	2.884	2.975	3.029	3.075	3.134
54	2.205	2.234	2.305	2.339	2.591	2.633	2.821	2.869	2.962	3.016	3.062	3.121
55	2.190	2.219	2.290	2.324	2.577	2.619	2.806	2.855	2.949	3.004	3.050	3.108
56	2.175	2.205	2.276	2.309	2.563	2.606	2.793	2.841	2.937	2.992	3.038	3.096
57	2.161	2.190	2.261	2.295	2.551	2.593	2.780	2.828	2.926	2.980	3.026	3.085
58	2.147	2.177	2.248	2.282	2.538	2.581	2.767	2.815	2.915	2.969	3.015	3.074
59	2.134	2.164	2.235	2.268	2.526	2.569	2.755	2.803	2.904	2.958	3.004	3.063

60	2.122	2.151	2.222	2.256	2.514	2.557	2.743	2.791	2.893	2.948	2.994	3.052
61	2.109	2.139	2.210	2.243	2.503	2.546	2.731	2.780	2.883	2.938	2.984	3.042
62	2.097	2.127	2.198	2.231	2.492	2.535	2.720	2.768	2.874	2.928	2.974	3.033
63	2.086	2.115	2.186	2.220	2.482	2.524	2.709	2.758	2.864	2.918	2.964	3.023
64	2.075	2.104	2.175	2.209	2.472	2.514	2.699	2.747	2.855	2.909	2.955	3.014
65	2.064	2.093	2.164	2.198	2.462	2.504	2.689	2.737	2.846	2.900	2.946	3.005
66	2.053	2.083	2.153	2.187	2.452	2.495	2.679	2.727	2.837	2.892	2.938	2.996
67	2.043	2.072	2.143	2.177	2.443	2.485	2.669	2.718	2.829	2.883	2.929	2.988
68	2.033	2.062	2.133	2.167	2.434	2.476	2.660	2.709	2.821	2.875	2.921	2.980
69	2.023	2.053	2.124	2.158	2.425	2.468	2.651	2.700	2.813	2.867	2.913	2.972
70	2.014	2.043	2.114	2.148	2.416	2.459	2.643	2.691	2.805	2.860	2.906	2.964
71	2.005	2.034	2.105	2.139	2.408	2.451	2.634	2.682	2.798	2.852	2.898	2.957
72	1.996	2.026	2.097	2.130	2.400	2.443	2.626	2.674	2.791	2.845	2.891	2.950
73	1.988	2.017	2.088	2.122	2.392	2.435	2.618	2.666	2.784	2.838	2.884	2.943
74	1.979	2.009	2.080	2.113	2.385	2.427	2.610	2.658	2.777	2.831	2.877	2.936
75	1.971	2.000	2.071	2.105	2.377	2.420	2.602	2.651	2.770	2.824	2.870	2.929
76	1.963	1.993	2.064	2.097	2.370	2.413	2.595	2.643	2.764	2.818	2.864	2.923
77	1.955	1.985	2.056	2.090	2.363	2.406	2.588	2.636	2.757	2.812	2.858	2.916
78	1.948	1.977	2.048	2.082	2.356	2.399	2.581	2.629	2.751	2.805	2.851	2.910
79	1.941	1.970	2.041	2.075	2.349	2.392	2.574	2.622	2.745	2.799	2.845	2.904
80	1.934	1.963	2.034	2.068	2.343	2.386	2.567	2.616	2.739	2.794	2.840	2.898
81	1.914	1.942	2.013	2.046	2.321	2.355	2.544	2.591	2.714	2.766	2.816	2.873
82	1.892	1.920	1.989	2.021	2.294	2.327	2.515	2.561	2.684	2.736	2.785	2.842
83	1.872	1.900	1.966	1.998	2.267	2.303	2.486	2.532	2.655	2.707	2.755	2.811
84	1.856	1.884	1.950	1.982	2.245	2.285	2.458	2.504	2.626	2.677	2.731	2.786
85	1.850	1.877	1.943	1.975	2.239	2.279	2.452	2.498	2.618	2.669	2.721	2.767
86	1.843	1.871	1.937	1.969	2.234	2.274	2.446	2.492	2.613	2.664	2.706	2.762
87	1.837	1.865	1.931	1.963	2.228	2.268	2.440	2.486	2.607	2.659	2.701	2.756
88	1.831	1.859	1.925	1.957	2.222	2.262	2.435	2.480	2.603	2.654	2.696	2.751
89	1.825	1.853	1.919	1.951	2.217	2.257	2.429	2.475	2.598	2.649	2.691	2.747
90	1.819	1.847	1.913	1.945	2.212	2.252	2.424	2.469	2.593	2.644	2.687	2.742
91	1.814	1.841	1.907	1.939	2.207	2.247	2.419	2.464	2.588	2.639	2.682	2.737
92	1.808	1.836	1.902	1.934	2.202	2.242	2.413	2.459	2.584	2.635	2.677	2.733
93	1.803	1.830	1.897	1.928	2.197	2.237	2.408	2.454	2.579	2.630	2.673	2.728
94	1.798	1.825	1.891	1.923	2.192	2.232	2.403	2.449	2.575	2.626	2.669	2.724
95	1.792	1.820	1.886	1.918	2.187	2.227	2.399	2.444	2.570	2.622	2.664	2.719
96	1.787	1.815	1.881	1.913	2.182	2.222	2.394	2.439	2.566	2.617	2.660	2.715
97	1.782	1.810	1.876	1.908	2.178	2.218	2.389	2.435	2.562	2.613	2.656	2.711
98	1.778	1.805	1.871	1.903	2.173	2.213	2.385	2.430	2.558	2.609	2.652	2.707
99	1.773	1.800	1.867	1.898	2.169	2.209	2.380	2.426	2.554	2.605	2.648	2.703
100	1.768	1.796	1.862	1.894	2.165	2.205	2.376	2.421	2.550	2.601	2.644	2.699
150	1.563	1.590	1.654	1.685	1.957	1.996	2.157	2.202	2.341	2.391	2.431	2.486
200	1.486	1.513	1.577	1.608	1.887	1.926	2.085	2.130	2.277	2.327	2.367	2.421
300	1.410	1.437	1.500	1.531	1.816	1.855	2.013	2.058	2.213	2.263	2.303	2.357
400	1.371	1.398	1.462	1.493	1.781	1.820	1.977	2.022	2.181	2.231	2.271	2.325
500	1.348	1.375	1.439	1.470	1.760	1.799	1.956	2.000	2.162	2.212	2.252	2.306
600	1.333	1.360	1.423	1.454	1.745	1.785	1.941	1.986	2.149	2.199	2.239	2.293

Ghi chú:

- 1/ Phân loại đường bộ theo Công văn 5787/TCĐBVN-QLBTĐB ngày 22/9/2022 của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.
- 2/ Giá cước trên chưa bao gồm: thuế GTGT; phí sử dụng đường bộ (phí cao tốc, BOT, lệ phí cầu đường, phà....) nếu có.
- 3/ Phí bơm rót (nếu có) do các Công ty xăng dầu và Công ty vận tải tự thỏa thuận, thanh toán theo thực tế phát sinh.
- 4/ Phạm vi áp dụng: cho tất cả các tuyến vận tải đi qua các quận của Tp. Hà Nội, Tp. HCM và huyện Nhà Bè.

TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY XĂNG DẦU BẮC NINH

Phụ biểu 05.2

SẢN LƯỢNG, ĐƠN GIÁ, DOANH THU VẬN CHUYỂN NĂM 2025

STT	TUYÊN VẬN TÀI	Vùng tính cước	Sản lượng thực hiện	Khối lượng thực hiện	CỤ LY	Phân loại 5787				Phân loại đồ thị đặc biệt (Hà Nội)				Đơn giá cước theo vùng ĐBSH				Đơn giá cước đồ thị đặc biệt				Đ.giá 100% theo CV: 1080/PL X (chưa VAT)	Đơn Giá Chi Phí Cầu Đường	Tổng Đơn Giá Cước Vận Chuyển (Chưa VAT)	Tổng Đơn Giá Cước Vận Chuyển (Chưa VAT)	Doanh thu		
						L1	L2	L3	L4	L1	L2	L3	L4	L1	L2	L3	L4	L1	L2	L3	L4							
			m3km	lít	Km																							(đồng)
A	Tổng cộng		2 798 853	52 473 000																							6312 442 000	
1	KHO ĐG ĐI		245 969	7 641 000																							746 448 000	
1	Petrolimex-Cửa hàng 01	ĐBSH	43 680	1 456 000	30	18	3			9	2430		2758						2939	2 616	529	3145	94			136 864 000		
2	Petrolimex-Cửa hàng 02	ĐBSH	14 880	465 000	32	21	2			9	2408		2713						2891	2 563	496	3059	98			45 570 000		
3	Petrolimex-Cửa hàng 03	ĐBSH	25 600	800 000	32	21	2			9	2408		2713						2891	2 563	496	3059	98			78 400 000		
4	Petrolimex-Cửa hàng 05	ĐBSH	49 929	1 513 000	33	24				9	2362								2865	2 499	480	2979	98			148 274 000		
5	Petrolimex-Cửa hàng 09	ĐBSH	18 515	529 000	35	24	2			9	2315		2620						2818	2 462	453	2915	102			53 958 000		
6	Petrolimex-Cửa hàng 10	ĐBSH	18 308	796 000	23	11	3			9	2763		3069						3283	3 006	689	3695	85			67 660 000		
7	Petrolimex-Cửa hàng 11	ĐBSH	6 775	271 000	25	11	5			9	2648		2979						3152	2 896	634	3530	88			23 848 000		
8	Petrolimex-Cửa hàng 12	ĐBSH	9 268	331 000	28	11	8			9	2513		2842						3038	2 776	566	3342	94			31 114 000		
9	Petrolimex-Cửa hàng 14	ĐBSH	1 876	67 000	28	16	3			9	2513		2842						3038	2 717	566	3283	92			6 164 000		
10	Petrolimex-Cửa hàng 15	ĐBSH	10 142	461 000	22	11	2			9	2814		3147						3335	3 057	721	3778	83			38 263 000		
11	Petrolimex-Cửa hàng 16	ĐBSH	2 275	65 000	35	11	15			9	2315		2620						2818	2 575	453	3028	106			6 890 000		
12	Petrolimex-Cửa hàng 17	ĐBSH	123	3 000	41	28	4			9	2148		2488						2643	2 290	387	2677	110			330 000		
13	Petrolimex-Cửa hàng 22	ĐBSH	15 264	318 000	48	26	13			9	2007		2357						2518	2 198	330	2528	121			38 478 000		
14	Petrolimex-Cửa hàng 24	ĐBSH	22 568	403 000	56	34	13			9	1912		2254						2563	2 096	283	2379	133			53 599 000		
15	Petrolimex-Cửa hàng 34	ĐBSH	4 880	122 000	40		31			9			2505						2689	2 546		2546	102			12 444 000		
16	Petrolimex-Cửa hàng 36	ĐBSH	1 886	41 000	46		37			9			2399						2570	2 432		2432	112			4 592 000		
II	KHO K132 (HAI ĐƯỜNG) ĐI	ĐBSH	2 504 803	44 433 000																						5474 958 000		
1	Petrolimex-Cửa hàng 01	ĐBSH	140 724	2 606 000	54		33	15	6				2034	2277	2480					2 151	253	2404	130			338 780 000		
2	Petrolimex-Cửa hàng 02	ĐBSH	217 890	4 035 000	54		33	15	6				2034	2277	2480					2 151	253	2404	130			524 550 000		
3	Petrolimex-Cửa hàng 03	ĐBSH	144 550	2 950 000	49		33	10	6				2097	2346	2556					2 204	279	2483	122			359 900 000		
4	Petrolimex-Cửa hàng 05	ĐBSH	191 785	3 487 000	55	6	33	10	6				1925	2021	2265	2467				2 104	248	2352	129			449 823 000		
5	Petrolimex-Cửa hàng 06	ĐBSH	66 700	1 150 000	58		33	19	6				1983	2231	2432					2 111	235	2346	136			156 400 000		
13	Petrolimex-Cửa hàng 09	ĐBSH	210 463	3 971 000	53		33	15	5				2048	2290	2493					2 158	258	2416	128			508 288 000		
6	Petrolimex-Cửa hàng 10	ĐBSH	74 984	1 339 000	56		42	14					2008	2254						2 070		2070	116			155 324 000		
7	Petrolimex-Cửa hàng 11	ĐBSH	108 982	1 879 000	58		42	16					1983	2231						2 051		2051	119			223 601 000		
8	Petrolimex-Cửa hàng 12	ĐBSH	76 189	1 249 000	61		42	19					1950	2201						2 028		2028	124			154 876 000		
9	Petrolimex-Cửa hàng 14	ĐBSH	106 380	1 773 000	60		42	18					1961	2210						2 036		2036	122			216 306 000		

STT	TUYÊN VẬN TẢI	Vùng tỉnh cước	Sàn lượng thực hiện	Khối lượng thực hiện	CỤ LY	Phân loại 5787				Phân loại đô thị đặc biệt (Hà Nội)				Đơn giá cước theo vùng ĐBSH				Đơn giá cước đô thị đặc biệt				Đ.giá 100% theo CV: 1080/PL X (chưa VAT)	Đơn Giá Chi Phí Cầu Đường	Tổng Đơn Giá Cước Vận Chuyên (Chưa VAT)	Tổng Đơn Giá Cước Vận Chuyên (Chưa VAT)	Doanh thu
						L1	L2	L3	L4	L1	L2	L3	L4	L1	L2	L3	L4	L1	L2	L3	L4					
			m3km	lít	Km																	đ/m ³ km	đ/m ³ km	đ/m ³ km	Đ/LÍT	(đồng)
10	Petrolimex-Cửa hàng 15	ĐBSH	106 095	1 929 000	55		42	13						2021	2265							2 079		2079	114	219 906 000
11	Petrolimex-Cửa hàng 16	ĐBSH	182 580	2 685 000	68		42	26						1883	2139							1 981		1981	135	362 475 000
12	Petrolimex-Cửa hàng 17	ĐBSH	63 441	1 007 000	63		38	19	6					1929	2182	2382						2 048	217	2265	143	144 001 000
14	Petrolimex-Cửa hàng 20	ĐBSH	157 500	2.100.000	75	18	42	10	5					1733	1829	2090	2287					1 871		1871	140	294 000 000
15	Petrolimex-Cửa hàng 21	ĐBSH	79 116	1.041.000	76	18	42	11	5					1726	1822	2083	2281					1 867		1867	142	147 822 000
16	Petrolimex-Cửa hàng 22	ĐBSH	121 176	1.782.000	68	16	42	5	5					1787	1883	2139	2338					1 913		1913	130	231 660 000
17	Petrolimex-Cửa hàng 24	ĐBSH	79 134	1.199.000	66	14	42	5	5					1805	1901	2156	2355					1 934		1934	128	153 472 000
18	Petrolimex-Cửa hàng 30	ĐBSH	47 880	1.368.000	35		29	5	1						2417	2620	2821					2 458		2458	86	117 648 000
19	Petrolimex-Cửa hàng 31	ĐBSH	56 082	1.438.000	39		29	10							2301	2522						2 358		2358	92	132 296 000
20	Petrolimex-Cửa hàng 32	ĐBSH	79 632	1 659 000	48		43	5							2109	2357						2 135		2135	102	169 218 000
21	Petrolimex-Cửa hàng 33	ĐBSH	53 856	1.224.000	44	5	29	5	5					2087	2189	2425	2618					2 253		2253	99	121 176 000
22	Petrolimex-Cửa hàng 34	ĐBSH	51 300	950.000	54	11	33	5	5					1938	2034	2277	2480					2 078		2078	112	106 400 000
23	Petrolimex-Cửa hàng 35	ĐBSH	59 572	1.124.000	53	6	29	13	5					1952	2048	2290	2493					2 138		2138	113	127 012 000
24	Petrolimex-Cửa hàng 36	ĐBSH	28 792	488.000	59	6	29	19	5					1876	1972	2221	2422					2 081		2081	123	60 024 000
III	KHO KVIII (HAI PHÒNG) ĐI	ĐBSH	48 081	399 000																						91 036 000
1	Petrolimex - CH 24	ĐBSH	8 241	67 000	123	82		34	7					1565		1917	2103					1 693	129	1822	224	15 008 000
2	Petrolimex-Cửa hàng 05	ĐBSH	39 840	332 000	120	89		25	6					1565		1917	2103					1 665	246	1911	229	76 028 000

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

Ngày: _____
Số hiệu và tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: <i>[ghi tên nhà thầu]</i>
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: <i>[ghi tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu <i>[tại nơi đăng ký]</i> :
Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp. 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN CỦA NHÀ THẦU LIÊN DANH⁽¹⁾

Ngày: _____

Số hiệu và tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu liên danh:
Tên thành viên của nhà thầu liên danh:
Quốc gia nơi đăng ký công ty của thành viên liên danh:
Năm thành lập công ty của thành viên liên danh:
Địa chỉ hợp pháp của thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:
Thông tin về đại diện hợp pháp của thành viên liên danh
Tên: _____
Địa chỉ: _____
Số điện thoại/fax: _____
Địa chỉ e-mail: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp.
2. Trình bày sơ đồ tổ chức.

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC
CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu và đã được kê khai trong HSDT. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT			
<input type="checkbox"/> Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.			
<input type="checkbox"/> Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: Tên Chủ đầu tư: Địa chỉ: Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà thầu nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và HSDT sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRƯỚC ĐÂY CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Số liệu tài chính cho 3 năm 2022, 2023, 2024⁽²⁾ [VND]		
Năm 1: 2022	Năm 2: 2023	Năm 3: 2024

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Vốn chủ sở hữu			
Vốn lưu động			

Thông tin từ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tổng doanh thu			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính⁽³⁾ (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) cho ba năm gần nhất và tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.
2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.
3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành, kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:
 - Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
 - Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
 - Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
 - Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
 - Báo cáo kiểm toán (nếu có);
 - Các tài liệu khác.

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Khoảng thời gian được nêu ở đây cần giống khoảng thời gian được quy định tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT, nếu là khác 03 năm thì các cột tại bảng trên cần được thay đổi cho phù hợp.

(3) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đối với nhà thầu là đối tượng phải thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán. Trường hợp nhà thầu là đối tượng không phải thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán thì không phải nộp báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

SẢN LƯỢNG VẬN CHUYỂN BẰNG XE XITEC BÌNH QUÂN HÀNG NĂM ⁽¹⁾

Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải ghi vào Mẫu này.

Thông tin được cung cấp phải là sản lượng vận chuyển hàng năm từ hoạt động cung cấp dịch vụ của nhà thầu hoặc của từng thành viên liên danh trong từng năm đối với công việc đang thực hiện hoặc đã hoàn thành trên cơ sở các khoản tiền theo hóa đơn xuất cho nhà thầu hoặc cho từng thành viên liên danh.

Năm	Sản lượng vận chuyển bằng xe xitec bình quân hàng năm của nhà thầu
2022	
2023	
2024	

Ghi chú:

- Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải ghi vào Mẫu này.

- Bên mời thầu cần ghi thời hạn được mô tả tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND	
Sản lượng vận chuyển	<i>m³.km</i>		
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	<i>[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]</i>	<i>[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Tên dự án:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]</i>		
E-mail:			
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT⁽²⁾.			
1. Loại dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>		
2. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>		
3. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>		

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên bằng tài liệu chứng minh bao gồm: hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, quyết toán hợp đồng...).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

Mẫu số 12

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

(Yêu cầu bắt buộc)

- Đối với từng vị trí công việc quy định tại Mẫu này thì nhà thầu phải kê khai các thông tin chi tiết theo Mẫu số 15 Chương này.

- Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt có năng lực phù hợp đáp ứng các yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT và có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu. Trường hợp kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận.

1	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
2	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
3	Vị trí công việc
	Tên
4	Vị trí công việc
	Tên
5	Vị trí công việc
	Tên
....	Vị trí công việc
	Tên

LÝ LỊCH NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

(Yêu cầu bắt buộc)

Vị trí dự kiến đảm nhiệm: _____

Tên nhà thầu: _____

Họ tên chuyên gia: _____ Quốc tịch: _____

Nghề nghiệp: _____

Ngày, tháng, năm sinh: _____

Tham gia tổ chức nghề nghiệp: _____

Quá trình công tác:

Thời gian	Tên cơ quan đơn vị công tác	Thông tin tham chiếu	Vị trí công việc đảm nhận
Từ tháng/năm đến tháng/năm	(nêu tên, điện thoại, email của người được tham chiếu để kiểm chứng thông tin)

Nhiệm vụ dự kiến được phân công trong gói thầu:

Chi tiết nhiệm vụ dự kiến được phân công trong gói thầu:	Nêu kinh nghiệm thực hiện những công việc, nhiệm vụ liên quan trước đây để chứng minh khả năng thực hiện công việc, nhiệm vụ được phân công
[Nêu các hạng mục công việc trong Mẫu 9 mà chuyên gia được phân công thực hiện]	
...	

- Năng lực: _____ [Mô tả chi tiết kinh nghiệm và các khóa đào tạo đã tham dự đáp ứng phạm vi công tác được phân công. Trong phần mô tả kinh nghiệm cần nêu rõ nhiệm vụ được phân công cụ thể trong từng dự án và tên/địa chỉ của chủ đầu tư/bên mời thầu.]

- Trình độ học vấn: _____ [Nêu rõ các bằng cấp liên quan, tổ chức cấp bằng, thời gian học và loại bằng cấp]

- Ngoại ngữ: _____ [Nêu rõ trình độ ngoại ngữ]

- Thông tin liên hệ: _____ [Nêu rõ tên, số điện thoại, e-mail của người cần liên hệ để đối chiếu thông tin]

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

Nhà thầu gửi kèm theo bản sao hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các nhân sự chủ chốt được kê khai trong HSDT.

BẢNG KÊ KHAI PHƯƠNG TIỆN

(Yêu cầu bắt buộc)

Nhà thầu chỉ được kê khai những phương tiện chủ yếu đáp ứng yêu cầu đối với các phương tiện chính như đã nêu trong danh sách theo yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương III- Tiêu chuẩn đánh giá HSDT mà có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu. Trường hợp kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận.

Phương tiện phải thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc có thể đi thuê nhưng nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động để đáp ứng yêu cầu của gói thầu. Trường hợp phương tiện thuộc sở hữu của nhà thầu thì phải kèm theo các tài liệu để chứng minh phương tiện thuộc sở hữu của mình. Trường hợp đi thuê thì phải có hợp đồng thuê phương tiện và tài liệu chứng minh phương tiện thuộc sở hữu của bên cho thuê. Nhà thầu phải kê khai theo mẫu dưới đây đối với từng phương tiện:

STT	Loại phương tiện	Tên nhà sản xuất:	Đời máy (model) :	Dung tích:	Số lượng:	Địa điểm hiện tại của phương tiện	Nêu rõ nguồn phương tiện Sở hữu của nhà thầu hay đi thuê

**GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT
DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN**

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V – Yêu cầu về phạm vi cung cấp, gồm các phần như sau:

- 1. Giải pháp và phương pháp luận;*
- 2. Kế hoạch công tác (Trong đó phải nêu đầy đủ phương án tổ chức thực hiện khi có yêu cầu, có quy trình thực hiện tối ưu cho gói thầu);*

Phần thứ hai. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP
Chương V. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi cung cấp và kế hoạch thực hiện gói thầu

1. Phạm vi cung cấp

TT	Địa điểm giao hàng	Nơi giao hàng	Tổng cự ly (km)	Sản lượng vận chuyển mời thầu (M3.km)	Đơn giá mời thầu	Doanh thu dự tính (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=5*6
1	Kho Đức Giang	Petrolimex-Cửa hàng 01	30	43 680	3145	136 864 000
2	Kho Đức Giang	Petrolimex-Cửa hàng 02	32	14 880	3059	45 570 000
3	Kho Đức Giang	Petrolimex-Cửa hàng 03	32	25 600	3059	78 400 000
4	Kho Đức Giang	Petrolimex-Cửa hàng 05	33	49 929	2979	148 274 000
6	Kho Đức Giang	Petrolimex-Cửa hàng 09	35	18 515	2915	53 958 000
7	Kho Đức Giang	Petrolimex-Cửa hàng 10	23	18 308	3695	67 660 000
8	Kho Đức Giang	Petrolimex-Cửa hàng 11	25	6 775	3530	23 848 000
9	Kho Đức Giang	Petrolimex-Cửa hàng 12	28	9 268	3342	31 114 000
10	Kho Đức Giang	Petrolimex-Cửa hàng 14	28	1 876	3283	6 164 000
11	Kho Đức Giang	Petrolimex-Cửa hàng 15	22	10 142	3778	38 263 000
12	Kho Đức Giang	Petrolimex-Cửa hàng 16	35	2 275	3028	6 890 000
13	Kho Đức Giang	Petrolimex-Cửa hàng 17	41	123	2677	330 000
16	Kho Đức Giang	Petrolimex-Cửa hàng 22	48	15 264	2528	38 478 000
17	Kho Đức Giang	Petrolimex-Cửa hàng 24	56	22 568	2379	53 599 000
22	Kho Đức Giang	Petrolimex-Cửa hàng 34	40	4 880	2546	12 444 000
24	Kho Đức Giang	Petrolimex-Cửa hàng 36	46	1 886	2432	4 592 000
1	Kho K132	Petrolimex-Cửa hàng 01	54	140 724	2404	338 780 000
2	Kho K132	Petrolimex-Cửa hàng 02	54	217 890	2404	524 550 000
3	Kho K132	Petrolimex-Cửa hàng 03	49	144 550	2483	359 900 000
4	Kho K132	Petrolimex-Cửa hàng 05	55	191 785	2352	449 823 000
5	Kho K132	Petrolimex-Cửa hàng 06	58	66 700	2346	156 400 000

6	Kho K132	Petrolimex-Cửa hàng 09	53	210 463	2416	508 288 000
7	Kho K132	Petrolimex-Cửa hàng 10	56	74 984	2070	155 324 000
8	Kho K132	Petrolimex-Cửa hàng 11	58	108 982	2051	223 601 000
9	Kho K132	Petrolimex-Cửa hàng 12	61	76 189	2028	154 876 000
10	Kho K132	Petrolimex-Cửa hàng 14	60	106 380	2036	216 306 000
11	Kho K132	Petrolimex-Cửa hàng 15	55	106 095	2079	219 906 000
12	Kho K132	Petrolimex-Cửa hàng 16	68	182 580	1981	362 475 000
13	Kho K132	Petrolimex-Cửa hàng 17	63	63 441	2265	144 001 000
14	Kho K132	Petrolimex-Cửa hàng 20	75	157 500	1871	294 000 000
15	Kho K132	Petrolimex-Cửa hàng 21	76	79 116	1867	147 822 000
16	Kho K132	Petrolimex-Cửa hàng 22	68	121 176	1913	231 660 000
17	Kho K132	Petrolimex-Cửa hàng 24	66	79 134	1934	153 472 000
18	Kho K132	Petrolimex-Cửa hàng 30	35	47 880	2458	117 648 000
19	Kho K132	Petrolimex-Cửa hàng 31	39	56 082	2358	132 296 000
20	Kho K132	Petrolimex-Cửa hàng 32	48	79 632	2135	169 218 000
21	Kho K132	Petrolimex-Cửa hàng 33	44	53 856	2253	121 176 000
22	Kho K132	Petrolimex-Cửa hàng 34	54	51 300	2078	106 400 000
23	Kho K132	Petrolimex-Cửa hàng 35	53	59 572	2138	127 012 000
24	Kho K132	Petrolimex-Cửa hàng 36	59	28 792	2081	60 024 000
1	Kho Thượng Lý	Petrolimex - CH 24	123	8 241	1822	15 008 000
2	Kho Thượng Lý	Petrolimex-Cửa hàng 05	120	39 840	1911	76 028 000
	Tổng cộng					6 312 442 000

2. Kế hoạch thực hiện

- Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/08/2025 đến hết ngày 31/12/2025.
- Tiến độ thực hiện: Đáp ứng tiến độ từng đợt vận chuyển cho các lô hàng kịp thời trong thời gian thực hiện
- Mô tả dịch vụ và yêu cầu kết quả đầu ra: Theo yêu cầu kỹ thuật của Mục 2 Chương này.

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

2.1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

- Dự toán: Cung cấp dịch vụ vận chuyển xăng dầu bằng đường bộ cho các Cửa

hàng xăng dầu thuộc Công ty Xăng dầu Bắc Ninh năm 2025.

- Chủ đầu tư: Công ty Xăng dầu Bắc Ninh.
- Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ vận chuyển xăng dầu bằng đường bộ cho các Cửa hàng xăng dầu thuộc Công ty Xăng dầu Bắc Ninh năm 2025.
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất, kinh doanh của Công ty Xăng dầu Bắc Ninh.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh không qua mạng đấu thầu quốc gia.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày 01/08/2025 đến hết ngày 31/12/2025 nếu các Bên không thống nhất gia hạn hiệu lực của Hợp đồng.
- Địa điểm thực hiện: Tại các điểm nhận và trả hàng của Chủ đầu tư tại các địa điểm đã nêu tại Mục 1 Chương này.

2.2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.2.1. Mô tả chung:

- Đảm bảo giao nhận, vận chuyển xăng dầu đến đúng địa chỉ của các Cửa hàng xăng dầu đầy đủ theo tuyến đường, cung đường đã được Công ty phân công.
- Đảm bảo tiến độ giao hàng về thời gian và chất lượng hàng hóa, số lượng hàng hóa.
- Không vận chuyển các loại hàng hóa khác với thương hiệu của Công ty xăng dầu trên cùng xe.
- Thái độ của lái xe, nhân viên giao hàng phải hòa nhã, phục vụ nhiệt tình, không có thái độ tiêu cực với với Bên mời thầu, đối tác và nhân viên của Bên mời thầu.
- Tuân thủ về các thủ tục giấy tờ nhận hàng, giao hàng đã được quy định.
- Phương tiện vận chuyển xăng dầu phải có Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ do cơ quan có thẩm quyền cấp (còn thời hạn) và phải bảo đảm, duy trì các điều kiện an toàn về PCCC theo quy định, dây tiếp đất khi vận chuyển trên đường; phương tiện chữa cháy bảo đảm chất lượng.
- + Nhà thầu có quy trình vệ sinh, làm sạch xi téc và đường ống công nghệ của xi téc. Phương tiện vận chuyển không đảm bảo độ khô sạch, còn lẫn tạp chất sẽ không được nhận hàng.
- Người điều khiển phương tiện, người làm việc trên phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ phải đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định 136/2020/NĐ-CP.
- Các nhân viên giao hàng, lái xe phải tuân thủ hướng dẫn, điều hành của cán bộ Công ty.

2.2.2. Yêu cầu đặc thù:

- + Phương tiện vận chuyển: Nhà thầu dùng Xe xitec để thực hiện vận chuyển xăng dầu cho Bên mời thầu phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện tham gia giao thông theo quy định của Pháp luật, phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, có đầy đủ bảng dung tích/giấy chứng nhận kiểm định về đo lường, giấy phép đăng kiểm và các giấy tờ khác còn hiệu lực theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam.

+ Phương tiện vận chuyển xăng dầu phải có Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ do cơ quan có thẩm quyền cấp (còn thời hạn) và phải bảo đảm, duy trì các điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC (một số lưu ý như ống xả phải được che chắn, bảo đảm an toàn cháy, nổ; dây tiếp đất khi vận chuyển trên đường; phương tiện chữa cháy bảo đảm chất lượng).

+ Phương tiện vận chuyển phải được trang bị thiết bị giám sát hành trình theo Nghị định 10/2020/NĐ-CP ban hành ngày 17/01/2020 và Nghị định 47/2022/NĐ-CP ngày 19/7/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 10/2020/NĐ-CP của Chính phủ, đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa, ghi nhận, đồng bộ dữ liệu phát sinh về hệ thống trung tâm để xử lý và lưu trữ theo thực tế. Dữ liệu thông tin thu về từ thiết bị giám sát hành trình được chia sẻ, kết nối và truyền về các thiết bị có thẩm quyền truy cập của cả nhà thầu (bao gồm cả Công ty mẹ - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) để phục vụ công tác giám sát phương tiện vận chuyển.

+ Phương thức giao nhận hàng hoá theo Quy định giao nhận xăng dầu của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

2.2.3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư (hoặc đại diện của Chủ đầu tư):

- Đảm bảo tại các kho nhận hàng có sự phối hợp với Nhà thầu trong việc giao nhận, tạo điều kiện cần thiết để Nhà thầu thực hiện công việc.

- Thông báo cho Nhà thầu địa điểm và các yêu cầu sửa đổi.

- Cung cấp đầy đủ thông tin điểm nhận hàng cho Nhà thầu (hoặc đại diện Nhà thầu) để thực hiện việc vận chuyển.

- Một cách tổng quát, Chủ đầu tư sẽ nỗ lực hết sức và cung cấp những hỗ trợ cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi đối với công việc vận chuyển của Nhà thầu.

2.2.4. Nhiệm vụ của Nhà thầu

Yêu cầu chung

- Phải có hiểu biết, kinh nghiệm trong nghiệp vụ vận chuyển.

- Phải có cơ sở vật chất và nhân lực phù hợp phục vụ cho việc tiếp nhận thông báo yêu cầu và triển khai dịch vụ.

- Phải có giải pháp và phương án thực hiện đảm bảo thực hiện dịch vụ bao gồm:

+ Sẵn sàng tiếp nhận thông báo yêu cầu vận chuyển từ Chủ đầu tư (hoặc đại diện Chủ đầu tư) 07 ngày/tuần, kể cả ngày nghỉ Lễ/Tết.

+ Sẵn sàng và thực hiện việc thực hiện dịch vụ nhanh nhất khi có sự thống nhất với Chủ đầu tư (hoặc đại diện của Chủ đầu tư).

+ Do các vị trí giao nhận của chủ đầu tư thuộc các khu vực khác nhau và nhu cầu triển khai dịch vụ trong một khoảng thời gian nhất định nên để đảm bảo việc vận chuyển một cách nhanh chóng, hai bên sẽ trao đổi và thống nhất trước khi triển khai để đáp ứng yêu cầu công việc.

+ Bố trí nhân lực phù hợp để thực hiện việc thực hiện vận chuyển.

Nhiệm vụ cụ thể:

+ Đảm bảo đáp ứng đầy đủ về tiến độ, chủng loại và các đặc tính kỹ thuật nêu tại Phạm vi cung cấp Chương này.

+ Tiếp nhận thông tin yêu cầu thực hiện từ Chủ đầu tư (hoặc đại diện Chủ đầu tư).

+ Khảo sát thực tế (nếu có), xác định thời gian và địa điểm thực hiện và thông báo cho Chủ đầu tư (hoặc đại diện Chủ đầu tư) để thống nhất và triển khai.

+ Cử nhân sự phù hợp, đáp ứng yêu cầu để triển khai thực hiện dịch vụ.

Phần thứ ba. HỢP ĐỒNG

Chương VI. THƯ CHẤP THUẬN VÀ HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Điều kiện hợp đồng được ghi trong hợp đồng mẫu

Mẫu số 16. Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng

Mẫu số 17. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Mẫu số 18. Hợp đồng mẫu

THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi:[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]

Về việc: *Thông báo chấp thuận Hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư [ghi tên Chủ đầu tư, sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”] về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: ____ [ghi tên, số hiệu gói thầu], Bên mời thầu [ghi tên Bên mời thầu, sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”] xin thông báo Chủ đầu tư đã chấp thuận Hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên, số hiệu gói thầu] với giá hợp đồng là: ____ [ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện hợp đồng là: ____ [ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng];

- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ [ghi thời gian ký kết hợp đồng]; tại địa điểm [ghi địa điểm ký kết hợp đồng], gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 17 Chương VI – Biểu mẫu hợp đồng của Hồ sơ mời thầu với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 6.1 ĐKCT của HSMT].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó Nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽¹⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Tài liệu đính kèm: Dự thảo hợp đồng

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu thư bảo lãnh dự thầu.

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên Chủ đầu tư]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] ở ____ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định của HSMT]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____.⁽⁴⁾

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số ____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

Mẫu hợp đồng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN XĂNG DẦU

Số...../202.../HĐVCXD

- Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 06 năm 2005 và pháp luật có liên quan;
- Căn cứ điều kiện, khả năng nhu cầu thực tế của hai bên;

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., tại, chúng tôi gồm:

BÊN THUÊ VẬN CHUYỂN:

Địa chỉ :
Điện thoại : Fax:.....
Tài khoản số : tại Ngân hàng.....
Mã số thuế :
Đại diện : Ông (Bà):..... Chức vụ:.....

*(Căn cứ ủy quyền nếu có)
(Dưới đây gọi tắt là Bên A)*

BÊN VẬN CHUYỂN:

Địa chỉ :
Điện thoại : Fax:.....
Tài khoản số : tại Ngân hàng.....
Mã số thuế :
Đại diện : Ông (Bà):..... Chức vụ:.....

(Căn cứ ủy quyền nếu có)

(Dưới đây gọi tắt là Bên B)

Hai bên thống nhất ký Hợp đồng vận chuyển xăng dầu theo các điều khoản cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

1.1 Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý nhận vận chuyển các mặt hàng xăng dầu các loại từ kho đầu nguồn về các điểm giao hàng theo yêu cầu của Bên A từ ngày 01/08/2025 đến hết ngày 31/12/2025 với khối lượng vận chuyển dự kiến khoảng **53.401 m³**.

1.2 Chất lượng hàng hóa vận chuyển:

- Chất lượng xăng dầu Bên A giao cho Bên B vận chuyển phù hợp với yêu cầu kỹ thuật quy định tại tiêu chuẩn cơ sở hiện hành của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam.

- Bên B chịu trách nhiệm quản lý về số lượng, chất lượng hàng hóa từ khi nhận hàng để vận chuyển đến khi hoàn thành việc giao nhận cho Cửa hàng/khách hàng của Bên A.

- Trường hợp nếu có tranh chấp về chất lượng thì hai Bên sẽ phối hợp để giải quyết theo Điều 7 của hợp đồng này.

ĐIỀU 2. ĐỊA ĐIỂM NHẬN HÀNG, GIAO HÀNG VÀ THỜI GIAN GIAO HÀNG

2.1 Địa điểm nhận hàng vận chuyển: Bên B nhận hàng tại kho xăng dầu do Bên A chỉ định.

2.2 Địa điểm giao hàng vận chuyển: Tại tất cả các cửa hàng/khách hàng của Bên A được ghi tại **Phụ lục 01 Cự ly, đơn giá cước vận chuyển xăng dầu** kèm theo Hợp đồng này.

2.3 Thời gian giao nhận và vận chuyển: Tất cả các ngày trong tuần (kể cả ngày lễ, tết, chủ nhật) và phù hợp với thời gian xuất hàng tại kho xuất hàng.

ĐIỀU 3. TUYẾN ĐƯỜNG, CỰ LY, ĐƠN GIÁ CƯỚC

3.1 Tuyến đường vận chuyển: từ kho đầu nguồn tới các địa điểm giao hàng do Bên A chỉ định theo quy định tại khoản 2.1 và 2.2 điều 2 nêu trên.

3.2 Cự ly tính cước của từng điểm trả hàng được quy định cụ thể tại **Phụ lục 01 Cự ly, đơn giá cước vận chuyển xăng dầu** đính kèm Hợp đồng này.

3.3 Nguyên tắc phân loại đường tính cước:

- Đối với các tuyến/đoạn đường nằm trên quốc lộ: Phân loại đường bộ tính cước áp dụng theo Công văn số 5787/TCĐBVN-QLBTĐBT ngày 22/9/2022 của Bộ Giao thông Vận tải (CV 5787);

- Đối với các tuyến/đoạn đường tỉnh lộ, huyện lộ hoặc đường đô thị: Phân loại đường bộ tính cước áp dụng theo quyết định/văn bản hiện hành về phân loại đường bộ của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh/thành phố;

- Đối với các tuyến/đoạn đường khác không có trong CV 5787 và các quyết định/văn bản của UBND tỉnh/thành phố thì hai Bên thỏa thuận phân loại đường tính cước dựa trên khảo sát thực tế và thống nhất áp dụng cho đến khi có phân loại đường bộ mới của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

3.4 Lượng tính cước: Đối với xăng dầu sáng là lít ở **nhiệt độ thực tế, FO là kg** (nếu có) theo số lượng có tại Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ của Công ty/Kho xuất hàng.

3.5 Đơn giá cước vận chuyển:

3.5.1 Đơn giá cước vận chuyển:

- Áp dụng theo Bảng đơn giá cước Vùng đồng bằng Sông Hồng của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam quy định tại từng thời điểm, tại thời điểm ký Hợp đồng là theo Văn bản số 1080/PLX-TCKT ngày 14/05/2025 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (VB1080) về việc điều chỉnh giá cước vận chuyển đường bộ theo biến động giá nhiên liệu áp dụng từ ngày 01/05/2025 (từ 0,5 đồng trở lên làm tròn thành 1 đồng; dưới 0,5 đồng không tính) và theo kết quả lựa chọn nhà thầu của Bên A.

Trong mọi trường hợp Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam điều chỉnh đơn giá cước vận chuyển tăng/giảm so với lần trước liền kề thì Hệ số giảm giá (HSgg) luôn được áp dụng và không thay đổi trong thời gian thực hiện hợp đồng (trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác bằng Phụ lục hợp đồng).

- Đơn giá tính cước:

Giá cước chưa bao gồm lệ phí cầu đường, chưa bao gồm phí dịch vụ bơm rót và chưa bao gồm thuế GTGT.

Khi Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam thay đổi đơn giá cước vận chuyển, hai Bên sẽ lập phụ lục hợp đồng để xác định đơn giá cước theo nguyên tắc đã thỏa thuận tại Hợp đồng này.

3.5.2 Lệ phí cầu đường: Căn cứ thỏa thuận giữa hai bên, lệ phí cầu đường theo từng tuyến được quy đổi thành đồng/lít và cộng vào đơn giá cước chưa thuế GTGT.

3.5.3 Phí dịch vụ bơm rót: Bên A sẽ thanh toán chi phí bơm rót cho Bên B là..... đồng/lít (chưa bao gồm thuế GTGT) tính riêng cho khối lượng nhiên liệu cần bơm rót.

Phí dịch vụ bơm rót được quy đổi về đồng/lít trên cơ sở giá bán lẻ xăng dầu bình quân trong tháng phát sinh bơm rót, được xác định dựa trên tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển, địa điểm giao hàng có sử dụng bơm rót theo biên bản nghiệm thu giữa hai bên và được thanh toán hàng tháng cùng với thanh toán cước vận chuyển.

Chi phí hút vét bể được tính toán là đồng cho một lần bơm, vét/1m³ phương tiện vận chuyển cộng với cước vận chuyển quy định tại điểm 3.5.1.

3.5.4 Thuế GTGT: Thuế suất thuế GTGT tại thời điểm ký Hợp đồng là 8% (áp dụng theo quy định tại từng thời điểm cụ thể). Đơn giá cước thể hiện tại **Phụ lục 01 Cự ly, Đơn giá cước vận chuyển xăng dầu** đính kèm Hợp đồng này chưa bao gồm thuế GTGT.

3.6 Đối với các tuyến đường mới phát sinh: Khi có sự thay đổi tuyến đường hoặc bổ sung tuyến mới, hai bên tiến hành khảo sát (nếu cần), thống nhất cự ly, phân loại đường, đơn giá cước, vé thu phí cầu đường và các vấn đề có liên quan khác trước 02 ngày khi có đơn hàng phát sinh, ký phụ lục hợp đồng bổ sung tuyến mới trong kỳ điều chỉnh đơn giá cước tiếp theo gần nhất.

3.7 Trường hợp ghép chuyến vận tải: Áp dụng khi cửa hàng/khách hàng của Bên A đăng ký lượng hàng vận tải không đủ dung tích của xe, dựa trên bảng dung tích xe mà Bên B cung cấp Bên A sẽ ghép chuyến vận tải với cửa hàng/khách hàng khác trên cùng tuyến đường vận tải (cự ly hai điểm được ghép hàng không quá 20 km) để

đủ dung tích xe. Khi đó khối lượng hàng tính cước được tính theo khối lượng hàng thực tế mà phương tiện chở; Đơn giá và cự ly tính cước được áp dụng tới từng điểm cụ thể. Việc ghép xe phải phù hợp với dung tích ngăn chứa của phương tiện, không ghép lượng hàng của 02 CHXD trên cùng 1 ngăn chứa.

3.8 Vận tải không sử dụng hết dung tích xe: Trường hợp không sử dụng hết dung tích xe (tải trọng cho phép) của xe, lượng hàng hoá vận chuyển phải đảm bảo an toàn trong quá trình xe vận chuyển. Lượng hàng để tính cước vận chuyển được tính như sau: Nếu lượng hàng vận chuyển sử dụng 50% đến 80% dung tích của xe thì lượng hàng tính cước được tính bằng 80% dung tích của phương tiện. Nếu lượng hàng vận chuyển sử dụng từ 80% đến 90% dung tích của xe thì lượng hàng tính cước được tính bằng 90% dung tích của phương tiện. Nếu lượng hàng vận chuyển sử dụng từ trên 90% dung tích của xe thì lượng hàng tính cước được tính bằng 100% dung tích của phương tiện. Bên B chịu trách nhiệm bố trí các ngăn chứa hàng phù hợp để đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.

Đối với ghép ngăn nhiều địa điểm không cùng 1 tuyến đường (đường thẳng) thì hàng hóa được tính cước vận chuyển riêng từng cung đường.

ĐIỀU 4. HAO HỤT

- Hao hụt khâu vận chuyển đường bộ là chênh lệch giữa số lượng xăng dầu từ đồng hồ kho xuất (theo số lượng tại Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ) và số lượng xăng dầu đo tính tại phương tiện vận tải trước khi nhập hàng tại CHXD của Bên A, gồm: hao hụt công đoạn xuất hàng từ đồng hồ kho xuất – phương tiện vận tải và hao hụt công đoạn vận chuyển bằng đường bộ.

- Định mức hao hụt công đoạn xuất hàng từ đồng hồ kho xuất – phương tiện vận tải, công đoạn vận chuyển bằng đường bộ được quy định tại Hệ thống định mức hao hụt xăng dầu hiện hành của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

- Định mức hao hụt khâu vận chuyển đường bộ phải thấp hơn tổng hao hụt công đoạn xuất hàng đồng hồ kho xuất – phương tiện vận tải và hao hụt công đoạn vận chuyển bằng đường bộ.

- Hai Bên thỏa thuận, thống nhất định mức hao hụt khâu vận chuyển đường bộ là ...% (chi tiết đối với từng CHXD có tại Phụ lục kèm theo).

ĐIỀU 5. GIAO NHẬN HÀNG HÓA

5.1 Phương tiện vận tải và người vận chuyển

5.1.1 Phương tiện vận tải Bên B dùng để thực hiện vận chuyển hàng hóa cho Bên A phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện tham gia giao thông theo quy định của Pháp luật, phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, có đầy đủ bảng dung tích/giấy chứng nhận kiểm định về đo lường, giấy phép đăng kiểm và các giấy tờ khác còn hiệu lực theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

5.1.2 Phương tiện vận chuyển xăng dầu phải có Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ do cơ quan có thẩm quyền cấp (còn thời hạn) và phải bảo đảm, duy trì các điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 8 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết

một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC (một số lưu ý như ống xả phải được che chắn, bảo đảm an toàn cháy, nổ; dây tiếp đất khi vận chuyển trên đường; phương tiện chữa cháy bảo đảm chất lượng).

5.1.3 Người điều khiển phương tiện, người làm việc trên phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ phải đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định 136/2020/NĐ-CP.

5.1.4 Để đảm bảo chất lượng hàng hóa, xe ô tô xi téc phải thực hiện quy trình vệ sinh, làm sạch xi téc và đường ống công nghệ của xi téc. Phương tiện vận tải không đảm bảo độ khô sạch, còn lẫn tạp chất sẽ không được nhận hàng.

5.1.5 Các phương tiện lấy hàng tại hệ thống kho xăng dầu và cấp hàng cho CHXD của Petrolimex phải được hàn giá tiếp địa theo đúng quy định của Petrolimex để sử dụng thiết bị tiếp địa chống tĩnh điện TĐ-PLX trong quá trình nhập/xuất hàng.

5.1.6 Tất cả các phương tiện đóng mới hoặc sửa chữa, cải tạo có liên quan đến đường ống công nghệ phải thực hiện lắp đặt van đóng khẩn cấp đã được Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam nghiên cứu và Cục Cảnh sát PCCC&CNCH - Bộ Công an chấp thuận giải pháp.

5.1.7 Phương tiện vận tải phải được trang bị thiết bị giám sát hành trình theo Nghị định 10/2020/NĐ-CP ban hành ngày 17/01/2020 và Nghị định 47/2022/NĐ-CP ngày 19/7/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 10/2020/NĐ-CP của Chính phủ, đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa, ghi nhận, đồng bộ dữ liệu phát sinh về hệ thống trung tâm để xử lý và lưu trữ theo thực tế; sẵn sàng đáp ứng yêu cầu cung cấp dữ liệu cho cấp có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, xác minh. Dữ liệu thông tin thu về từ thiết bị giám sát hành trình được chia sẻ, kết nối và truyền về các thiết bị có thẩm quyền truy cập của cả Bên A (bao gồm cả Công ty mẹ - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) và Bên B (bao gồm cả Công ty mẹ (nếu có) để phục vụ công tác giám sát phương tiện vận tải. Lái xe của Bên B không được can thiệp vào hoạt động của hệ thống giám sát hành trình, đảm bảo tính độc lập và khách quan theo đúng thực tế. Các Bên phải đảm bảo không được tiết lộ thông tin giám sát hành trình với bất kỳ Bên nào khác, trừ trường hợp theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

5.2 Thủ tục giao nhận

5.2.1 Khi Bên A có nhu cầu vận chuyển hàng hóa, Bên B điều phương tiện đến kho nhận hàng. Đại diện Bên A sẽ cung cấp cho Bên B các chứng từ cần thiết để nhận hàng.

5.2.2 Hai bên thống nhất phương thức giao nhận hàng hoá theo Quy định giao nhận xăng dầu của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, tại thời điểm ký hợp đồng là Quyết định số 258/PLX-QĐ-TGD ngày 08/5/2023 (QĐ 258). Trường hợp giao hàng đến Cửa hàng xăng dầu của Bên A thì thực hiện theo Quy trình giao nhận tại Cửa hàng xăng dầu quy định tại QĐ 258. Trường hợp giao hàng đến khách hàng của Bên A thì thực hiện theo phương thức giao nhận đã thỏa thuận trong hợp đồng mua bán/vận chuyển giữa Bên A và khách hàng.

5.2.3 Việc lấy mẫu, lưu mẫu, kiểm tra chất lượng hàng hóa thực hiện theo Quy chế Quản lý chất lượng xăng dầu của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ban hành kèm

theo Quyết định số 465/PLX-QĐ-HDQT ngày 28/10/2016 và các văn bản khác theo quy định của Nhà nước và Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

5.2.4 Trong quá trình nhập hàng, lái xe của Bên B có trách nhiệm phối hợp với cửa hàng/khách hàng của Bên A nhập hàng đúng theo quy trình nhập hàng được niêm yết tại vị trí nhập hàng của cửa hàng/khách hàng Bên A. Lái xe Bên B chịu trách nhiệm lắp đầu ống nhập vào họng xả của xe xi-téc. Cửa hàng/khách hàng của Bên A chịu trách nhiệm lắp đầu ống nhập vào vị trí họng nhập của bể chứa. Sau khi lắp xong hai đầu ống nhập và thực hiện quy trình kiểm tra, lái xe Bên B mở van xả của xe. Trường hợp lái xe của Bên B lắp nhầm ống nhập tại họng xả của xe xi-téc (nếu có) dẫn đến nhập nhầm hàng hóa thì toàn bộ chi phí để xử lý chất lượng hàng hoá do việc nhập nhầm hàng do Bên B chịu. Trường hợp cửa hàng/khách hàng của Bên A lắp nhầm ống nhập tại vị trí họng nhập của bể chứa (nếu có) dẫn đến nhập nhầm hàng hoá thì toàn bộ chi phí để xử lý chất lượng hàng hoá do việc nhập nhầm hàng do cửa hàng/khách hàng của Bên A chịu.

5.2.5 Trước, trong và sau khi lấy hàng tại hệ thống kho xăng dầu và cấp hàng cho CHXD của Petrolimex phương tiện vận chuyển phải thực hiện đấu nối thiết bị tiếp địa chống tĩnh điện TĐ-PLX theo đúng quy định của Petrolimex.

5.2.6 Kết thúc giao nhận, đại diện nhận hàng của Bên A ký xác nhận theo số lượng hàng hóa thực tế giao nhận trên Biên bản giao nhận, lấy và lưu mẫu xăng dầu và ký xác nhận vào mục Xác nhận của người dỡ hàng trên Giấy vận tải của Bên A để làm cơ sở tính cước. Chữ ký nhận hàng của đại diện nhận hàng của Bên A trên Biên bản giao nhận, lấy và lưu mẫu xăng dầu, Giấy vận tải là cơ sở pháp lý để xác định Bên B đã hoàn tất việc giao hàng cho Bên A.

5.2.7 Thời gian giao hàng:

Thời gian trả hàng, các cửa hàng/khách hàng của Bên A không được để xe chờ đợi quá..... giờ và lái xe cũng không được trả hàng vượt quá thời gian trả hàng.....giờ. Nếu vượt quá thời gian này, hai bên có văn bản cụ thể để lãnh đạo hai Bên có cơ sở xử lý. Trong quá trình vận chuyển, nếu xe bị hỏng trên đường, tắc đường hoặc do nguyên nhân khách quan nào khác phát sinh dẫn đến việc giao hàng có khả năng muộn hơn so với thời gian quy định thì lái xe phải nỗ lực cao nhất tìm cách khắc phục, đồng thời thông tin cho phía bên nhận hàng là Bên A, Cửa hàng trưởng biết để kịp thời phối hợp giải quyết. Việc thông tin cho Bên A không loại trừ trách nhiệm của Bên B đối với việc giao chậm hàng.

5.2.8 Điều kiện đơn hàng, giao hàng

Trong điều kiện bình thường về nguồn hàng, Bên B giao hàng đúng tiến độ về thời gian theo yêu cầu của Bên A.

Trong trường hợp xảy ra vấn đề về nguồn hàng tại kho xăng dầu dẫn đến việc không thể xuất hàng tại kho của Bên A, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B để điều chỉnh thời gian giao nhận hàng hóa.

Trong trường hợp xảy ra các nguyên nhân khách quan có thể dẫn đến hậu quả làm chậm tiến độ giao hàng, Bên B phải thông báo ngay cho Bên A để phối hợp giải quyết.

Mọi trở ngại do không giao nhận được hàng do cửa hàng/khách hàng Bên A gây nên thì Bên A phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

5.2.9 Năng lực vận tải và đơn hàng

- Căn cứ kế hoạch sản lượng bán hàng hàng tháng Bên A chủ động đặt hàng vận chuyển qua phần mềm SMO, hoặc email/tin nhắn/zalo với đầu mỗi Bên B, phù hợp với sản lượng xuất bán bình quân/ngày và khả năng vận chuyển của Bên B. Bên A phải có trách nhiệm đảm bảo đủ nguồn cấp hàng cho phương tiện vận chuyển Bên B theo nhu cầu Bên A đã đăng ký trong đơn hàng phù hợp với tiến độ vận chuyển.

- Hàng ngày, trên cơ sở năng lực vận tải của Bên B xác nhận, chậm nhất vào.....giờ ngày hôm trước, Bên A gửi cho Bên B đơn hàng đã hoàn chỉnh trong đó ghi rõ số lượng, chủng loại hàng hóa, điểm nhận và giao hàng... để Bên B chủ động nhận hàng và vận chuyển.

- Khi nhận được đơn hàng của Bên A, nếu Bên B không có ý kiến phản hồi sau ... tiếng thì mặc nhiên đơn hàng được chấp thuận. Trường hợp không đáp ứng được thì Bên B có trách nhiệm thông tin lại cho Bên A biết trướcgiờ cùng ngày để cùng phối hợp giải quyết. Trường hợp Bên B không thông báo cho Bên A đúng thời gian đã thỏa thuận, nếu có thiệt hại hoặc chi phí phát sinh đối với Bên A thì Bên B phải có trách nhiệm bồi thường.

- Trường hợp lái xe đã nhận hàng theo kế hoạch (theo Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ) mà Bên A chuyển đổi điểm đỗ hàng, phải được sự thống nhất của Bên B, các chi phí đã phát sinh do chuyển đổi điểm đỗ hàng, Bên A phải thanh toán cho Bên B. Những đơn hàng phát sinh sau khi chốt kế hoạch và phát sinh trong thời gian nghỉ Lễ, Tết hai Bên sẽ phối hợp tùy theo tình hình thực tế để cùng giải quyết.

- Vào những dịp Lễ, Tết hoặc thời điểm hàng hóa tăng đột biến, Bên A có trách nhiệm báo trước cho Bên B trước 24 giờ (bằng email, văn bản và Bên B phải có trách nhiệm cân đối phương tiện để đáp ứng kịp thời nhu cầu vận chuyển cho Bên A. Nếu năng lực vận tải không đáp ứng được yêu cầu của Bên A, Bên B phải báo cho Bên A trước 24 giờ (bằng email, văn bản) và phải được Bên A chấp thuận. Trong trường hợp này, Bên A được phép thuê đơn vị vận tải ngoài để kịp thời đáp ứng nhu cầu nguồn hàng cho Bên A, lưu hồ sơ phục vụ kiểm tra của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

- Bên B không được sử dụng nhà thầu phụ quá 10% giá trị vận chuyển

- Bên A không tự ý cắt giảm khối lượng vận chuyển đã ký kết theo hợp đồng để thuê phương tiện của tổ chức, cá nhân khác thực hiện.

5.2.10 Quy trình luân chuyển hóa đơn, chứng từ giao nhận:

Lái xe của Bên B nhận Phiếu xuất kho/Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ/Hóa đơn và Biên bản giao nhận (BBGN) xăng dầu tại kho Bên A đăng ký (chỉ định), sau đó giao Phiếu xuất kho/Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ/Hóa đơn và 01 BBGN cho đại diện Cửa hàng/khách hàng của Bên A; 01 BBGN xăng dầu còn lại sau khi đại diện Cửa hàng/khách hàng của Bên A ký nhận, giao lại cho phòng Kinh doanh

vận tải/Đội xe của Bên B để làm cơ sở đối chiếu thanh toán và giải quyết tranh chấp, khiếu nại sau này.

BBGN phải có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện Cửa hàng/khách hàng của Bên A, người vận chuyển của Bên B.

5.3 Quyền sở hữu và mọi rủi ro, tổn thất về số lượng và chất lượng hàng hóa được phân định như sau:

- Hàng hóa vận chuyển theo hợp đồng này thuộc sở hữu của Bên A trong suốt quá trình vận chuyển.

- Bên B chịu trách nhiệm đối với rủi ro, tổn thất về số lượng và chất lượng hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển hàng hóa. Giới hạn trách nhiệm của Bên B đối với số lượng và chất lượng hàng hóa vận chuyển theo hợp đồng này như sau:

+ Tại kho xuất do Bên A chỉ định:

Mọi trách nhiệm rủi ro, tổn thất hàng hoá sẽ được chuyển từ Kho xuất sang Bên B kể từ khi hàng đi qua hòng xuất sản phẩm của Kho xuất vào xe bồn tiếp nhận của Bên B.

+ Tại Cửa hàng/khách hàng Bên A: Trách nhiệm từ Bên B chuyển sang Bên A kể từ khi hàng đã xả vào bể chứa đúng mặt hàng vận chuyển tương ứng của cửa hàng/khách hàng Bên A.

- Cơ sở xác định Bên B đã nhận đủ hàng về số lượng và đúng về chất lượng là phiếu xuất kho/hóa đơn, mẫu hàng và đơn hóa nghiệm chất lượng do đơn vị (Kho) giao hàng vận chuyển phát hành có chữ ký người nhận hàng hoặc người điều khiển phương tiện do Bên B chỉ định phù hợp với yêu cầu của Bên A.

- Cơ sở xác định Bên B đã hoàn thành vận chuyển hàng hóa là đã giao hàng đến địa điểm và thời gian quy định; người nhận hàng do Bên A chỉ định đã ký vào phiếu xuất kho/hóa đơn, BBGN và không có bất kỳ khiếu nại nào về số lượng, chất lượng và thái độ phục vụ.

- Trường hợp giao nhận thiếu hàng hóa, hai Bên lập biên bản xác nhận sự việc. Bên B chịu trách nhiệm bồi thường 100% giá trị hàng thiếu theo giá bán lẻ tại thời điểm phát sinh thiếu hàng cho Bên A.

ĐIỀU 6. THANH TOÁN

6.1 Phương thức thanh toán:

- Định kỳ từ ngày 01 đến ngày 03 của đầu tháng sau liền kề, Bên B lập biên bản đối chiếu số lượng hàng hóa, cước phí vận chuyển, lệ phí cầu đường, phí dịch vụ bơm rót phát sinh trong kỳ chi tiết cho Bên A, có chữ ký, đóng dấu của đại diện hợp pháp hai Bên. Bên A có trách nhiệm kiểm tra và phản hồi lại cho Bên B để hai bên thống nhất số liệu đối chiếu.

Thời hạn đối chiếu số liệu: Chậm nhất không quá 02 ngày kể từ ngày Bên B gửi số liệu cho Bên A.

- Trên cơ sở số liệu đối chiếu chi tiết, chậm nhất ngày 07 tháng sau liền kề, Bên B xuất hóa đơn giá trị gia tăng sản lượng vận chuyển cho Bên A theo thông tin như sau:

+ CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU BẮC NINH

+ Địa chỉ: Khu Xuân Ô B, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh

+ Mã số thuế: 2301259151

6.2 Bộ chứng từ thanh toán gồm:

- Văn bản đề nghị thanh toán của Bên B.
- Hóa đơn GTGT.
- Biên bản đối chiếu cước vận chuyển, Bảng kê chi tiết lệ phí cầu đường (nếu có), Bảng kê chi tiết dầu bơm (nếu có) có chữ ký xác nhận của hai Bên.
- Biên bản đối chiếu công nợ.

6.3 Hình thức và thời hạn thanh toán:

- Chuyển khoản qua ngân hàng và/hoặc bù trừ công nợ.
- Thời hạn thanh toán: Chậm nhất không quá 10 ngày làm việc kể từ khi Bên A nhận được chứng từ thanh toán của Bên B. Quá thời hạn thanh toán, Bên A phải thanh toán tiền lãi nợ quá hạn theo lãi suất huy động 12 tháng do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm quá hạn. Tiền lãi nợ quá hạn sẽ được hai bên lập biên bản đối chiếu xác nhận, Bên B sẽ phát hành hóa đơn tiền lãi cho Bên A theo quy định chậm nhất ngày làm việc kế tiếp. Bên A thanh toán số tiền lãi cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản chậm nhất ngày cuối cùng của tháng đó.

ĐIỀU 7. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ CHẤT LƯỢNG

7.1 Khi xảy ra tranh chấp về chất lượng tại cửa hàng/khách hàng Bên A. Hai Bên thống nhất giải quyết như sau:

- Đại diện cửa hàng/khách hàng Bên A cùng lái xe Bên B tiến hành lập biên bản xác nhận sự việc và thông báo cho đại diện hai Bên để phối hợp giải quyết

- Đại diện hai Bên /khách hàng Bên A cùng lái xe Bên B tiến hành chuyển 03 mẫu lưu, gồm: mẫu lưu tại bể chứa của kho xuất hàng xuất cho phương tiện, mẫu lấy tại phương tiện sau khi nhận hàng tại kho (nếu có), mẫu lấy tại phương tiện trước khi nhập hàng tại CHXD đến tổ chức thử nghiệm/giám định chất lượng xăng dầu độc lập được chỉ định để thử nghiệm và làm cơ sở để phân định trách nhiệm về chất lượng hàng hóa Theo quy định của pháp luật hiện hành (tại Điều 9 của Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN ngày 28/8/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu, cụ thể:

- Nếu chất lượng mẫu lưu tại bể chứa của kho xuất hàng không phù hợp, Bên B không chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa trong quá trình vận chuyển.

- Nếu chất lượng mẫu lưu tại bể chứa của kho xuất hàng phù hợp, nhưng chất lượng mẫu lưu lấy tại phương tiện sau khi nhập hàng tại kho xăng dầu hoặc mẫu lưu lấy tại phương tiện trước nhập hàng tại CHXD không phù hợp, Bên B chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa trong quá trình vận chuyển.

+ Chi phí giám định và mọi thiệt hại gây ra do Bên có lỗi chịu.

7.2 Việc giải quyết tranh chấp về chất lượng được thực hiện theo nguyên tắc giải quyết tranh chấp được quy định tại khoản 12.3 Điều 12 của Hợp đồng.

ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HAI BÊN

8.1 Quyền và nghĩa vụ của Bên A

8.1.1 Quyền của Bên A

8.1.1.1 Giám sát hành trình trong suốt chuyến vận tải đến Cửa hàng xăng dầu, khách hàng.

8.1.1.2 Yêu cầu Bên B chấp hành đúng các nội quy, qui định, quy trình quy phạm trong quá trình giao nhận xăng dầu:

- Cửa hàng/khách hàng của Bên A chịu trách nhiệm chuẩn bị dụng cụ lấy mẫu và bình chứa mẫu và lấy mẫu theo đúng quy định.

- Trường hợp cửa hàng/khách hàng của Bên A không tiến hành lấy mẫu tại nơi nhập hàng thì được hiểu là cửa hàng/khách hàng của Bên A không cần lưu mẫu, khi đó cửa hàng/khách hàng của Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm về chất lượng xăng dầu của xe hàng đó.

8.1.1.3 Các cửa hàng/khách hàng của Bên A có quyền từ chối nhận hàng từ phương tiện vận chuyển Bên B trong trường hợp:

- Lái xe Bên B vi phạm một trong các hành vi sau đây: Giao hàng không đúng về chất lượng, chủng loại hàng hóa; không đúng về tiến độ thời gian tại địa điểm đã đăng ký trong đơn hàng (trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 9 hợp đồng này và các trường hợp phát sinh đột xuất Bên B đã thông báo với Bên A và được Bên A chấp thuận); có thái độ phục vụ kém văn minh.

- Người điều khiển phương tiện không chấp hành đúng các quy định tại nơi giao hàng của cửa hàng/khách hàng Bên A.

- Lái xe giao nhận hàng không phải là người đứng tên trong Giấy vận tải hoặc không đúng họ tên ghi trong hoá đơn tại mục người vận tải của Bên B. Trong trường hợp lái xe giao nhận hàng là người đứng tên trong Giấy vận tải bị tai nạn, giữ giấy phép lái xe hoặc sự việc khác không thể giao nhận hàng hóa, Bên B cử người thay thế giao nhận hàng đồng thời có Giấy giới thiệu gửi sang Bên A để Cửa hàng/khách hàng Bên A nhận hàng.

- Lái xe có tên trong Danh sách không được tham gia bất cứ công việc vận chuyển hàng hóa (xăng dầu) nào thuộc hệ thống của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

- Phương tiện vận chuyển không đảm bảo an toàn khi giao, nhận hàng; kết cấu xi-téc không đúng quy định; không đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật, hàng hoá thiếu bất thường; các kẹp chì bị hư hỏng, không còn nguyên vẹn như khi nhận hàng tại đầu nguồn.

Trong những trường hợp này lái xe và người nhận hàng lập biên bản và thông báo cho đại diện Bên A và Bên B để giải quyết. Bên B phải chịu mọi chi phí do việc không giao được hàng gây ra do lỗi của lái xe.

8.1.1.4 Bên A có quyền từ chối các lái xe Bên B chờ hàng trong các trường hợp:

- Lái xe có các hành vi gian lận, lấy trộm hàng hóa, tích trữ xăng dầu vào cốp phương tiện hoặc các dụng cụ chứa khác như can, phuy,... để trục lợi trong quá trình giao nhận và vận chuyển xăng dầu.

- Lái xe vi phạm các quy định của Luật giao thông đường bộ hiện hành và các văn bản pháp luật khác có liên quan trong quá trình tham gia vận chuyển hàng hóa của

Bên B (bao gồm nhưng không giới hạn bởi các quy định sau: sử dụng các chất kích thích có nồng độ cồn như bia, rượu hoặc các chất gây nghiện có trong danh mục cấm sử dụng khi tham gia giao thông,...).

- Lái xe can thiệp vào hoạt động của thiết bị giám sát hành trình trong quá trình giao nhận, vận chuyển xăng dầu dẫn đến không đảm bảo duy trì hoạt động ghi, lưu trữ thông tin, hình ảnh truyền về không được liên tục và bị gián đoạn.

- Các vi phạm khác trong quá trình vận chuyển hàng hóa làm ảnh hưởng xấu đến mối quan hệ với khách hàng của Bên A và hình ảnh, uy tín, thương hiệu của Petrolimex.

- Lái xe có tên trong Danh sách không được tham gia bất cứ công việc vận chuyển hàng hóa nào thuộc hệ thống của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

Các trường hợp này (nếu có), Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng văn bản.

8.1.1.5 Bên A có quyền không phải thanh toán cước vận tải trong các trường hợp sau:

- Lái xe bị Bên A phát hiện, hoặc qua thông tin trên báo, đài, mạng xã hội... có hành vi lấy trộm hàng hóa tại chuyến vận tải.

- Có bằng chứng lái xe tác động để tắt các thiết bị: giám sát hành trình trên phương tiện khi đang vận chuyển hàng hóa do Bên A thuê vận chuyển.

8.1.1.6 Bên A không phải chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, hư hỏng, thiệt hại đối với lái xe và phương tiện vận chuyển của Bên B phát sinh trong quá trình vận chuyển hàng hóa theo Hợp đồng này.

8.1.1.7 Yêu cầu Bên B khảo sát lại tuyến đường vận chuyển (nếu cần).

8.1.2 Nghĩa vụ của Bên A:

8.1.2.1 Thanh toán tiền cước cho Bên B theo quy định tại Điều 6 của hợp đồng này.

8.1.2.2 Bên A chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị đầu nguồn, các đơn vị nhận hàng, chuẩn bị đầy đủ các thủ tục, điều kiện giao nhận, kho bãi để phương tiện của Bên B có thể giao nhận hàng nhanh chóng, an toàn phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường.

8.1.2.3 Các phương tiện đo tính của Bên A và khách hàng Bên A phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và được kiểm định theo quy định hiện hành của Nhà nước.

8.1.2.4 Bên A và khách hàng của bên A phải chịu trách nhiệm đảm bảo đầy đủ điều kiện an toàn về PCCN, an toàn lao động, ... cho Lái xe và xe của Bên B xuyên suốt quá trình giao nhận hàng hóa tại điểm giao hàng của Bên A và khách hàng của Bên A.

8.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B

8.2.1 Quyền của Bên B

8.2.1.1 Được thanh toán cước vận chuyển theo Hợp đồng.

8.2.1.2 Lái xe của Bên B có quyền yêu cầu Bên A chuẩn bị đầy đủ điều kiện an toàn PCCC, an toàn lao động, ... tại điểm giao trả hàng theo quy định của pháp luật và của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam. Nếu Bên A không đảm bảo đủ điều kiện an toàn tại

điểm giao hàng thì lái xe Bên B có quyền từ chối nhập hàng hoặc dừng nhập hàng đến khi Bên A chuẩn bị đầy đủ điều kiện an toàn tại điểm giao trả hàng theo quy định.

8.2.2 Nghĩa vụ của Bên B

8.2.2.1 Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về hoạt động vận tải xăng dầu theo các quy định hiện hành.

8.2.2.2 Đảm bảo vận tải xăng dầu trong mọi thời điểm theo yêu cầu của Bên A.

8.2.2.3 Thực hiện giao hàng đúng chất lượng, đủ số lượng, đúng thời gian tại địa điểm đã đăng ký trong đơn hàng. Có thái độ văn minh thương mại trong giao nhận hàng hoá.

8.2.2.4 Phương tiện Bên B vào lấy hàng phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn (Giấy chứng nhận kiểm định còn hiệu lực, an toàn phòng cháy chữa cháy, Xi-téc đảm bảo khô sạch, không có tạp chất, ...).

8.2.2.5 Xin giấy phép cho phương tiện tham gia vận chuyển vào khu vực nội thành vào ban đêm, giấy phép đi trên đê, các tuyến đường khác cần phải xin giấy phép (nếu có).

Lái xe Bên B phải nghiêm túc chấp hành các quy định của Luật Giao thông đường bộ hiện hành và các văn bản pháp luật khác có liên quan (bao gồm nhưng không giới hạn bởi các quy định sau: đi đúng làn đường quy định, không vượt quá tốc độ cho phép, không sử dụng các chất kích thích có nồng độ cồn như bia, rượu hoặc các chất gây nghiện có trong danh mục cấm sử dụng khi tham gia giao thông,...). Trường hợp có vi phạm xảy ra, Bên B phải chịu toàn bộ trách nhiệm có liên quan đến hành vi của lái xe, đồng thời Bên A có quyền từ chối lái xe vi phạm không được tham gia vận chuyển hàng hóa của Bên A.

8.2.2.6 Cung cấp thông tin giám sát hành trình trong suốt chuyến vận tải cho Bên A và Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam để thực hiện giám sát vận chuyển.

- Lái xe không được tắt các thiết bị: giám sát hành trình trên phương tiện khi đang vận chuyển hàng hóa.

8.2.2.7 Bố trí lái xe có đủ sức khỏe, đã được huấn luyện và cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC&CNCH còn thời hạn theo quy định, huấn luyện về ATVSLĐ và được cấp thẻ ATVSLĐ còn thời hạn.

8.2.2.8 Thực hiện và đảm bảo rằng người điều khiển phương tiện thực hiện đúng các nội quy, quy định trong quá trình giao nhận xăng dầu.

8.2.2.9 Chịu trách nhiệm về số lượng và chất lượng hàng hoá từ khi phương tiện của Bên B được kho xuất niêm chì theo quy định đến kho nhập hàng của cửa hàng/khách hàng Bên A. Khi cần thiết để có xăng dầu gấp kịp thời phục vụ ổn định thị trường thì phải huy động đủ, kịp thời phương tiện để vận chuyển theo yêu cầu của Bên A.

8.2.2.10 Ủy quyền cho Lái xe Bên B có tên trong Giấy vận tải cùng với cửa hàng/khách hàng của Bên A thực hiện việc lấy mẫu tại nơi nhập hàng, niêm phong và lưu mẫu theo quy định.

8.2.2.11 Đối với các điểm nhận hàng phát sinh mới của cửa hàng/khách hàng Bên A có cung đường phức tạp, địa hình khó khăn, hiểm trở hai Bên cùng nhau thỏa thuận,

thống nhất để có hướng giải quyết kịp thời trên tinh thần hợp tác. Trong trường hợp này, nếu các điều kiện để thực hiện giao hàng không được đảm bảo, bên B có thể từ chối vận chuyển.

8.2.2.11 Trong trường hợp người điều khiển phương tiện Bên B có hành vi gian lận, làm ảnh hưởng đến số lượng, chất lượng hàng hoá hoặc các hành vi khác (bị lập biên bản) ảnh hưởng đến quan hệ của Bên A với khách hàng, thì Bên B có nghĩa vụ:

- Phối hợp với Bên A giải quyết, mọi chi phí và thiệt hại phát sinh (nếu có) do Bên B chịu.

- Cung cấp cho Bên A đầy đủ các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến vụ việc, bao gồm thông tin chính xác và cụ thể về nguyên nhân dẫn đến số lượng/chất lượng xăng dầu không đảm bảo trong quá trình vận chuyển, danh sách người điều khiển phương tiện có hành vi vi phạm và các đồng phạm (nếu có); và hình thức xử lý kỷ luật những đối tượng có hành vi vi phạm trên.

- Chấp hành toàn bộ yêu cầu của Bên A, bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc từ chối nhân sự điều khiển phương tiện của Bên B có hành vi vi phạm trong khoảng thời gian do Bên A quyết định hoặc từ chối vĩnh viễn các nhân sự vi phạm của Bên B tham gia quá trình vận chuyển của Bên A.

8.2.2.12 Bên B gửi cho Bên A bản sao công chứng các chứng nhận bảo hiểm hàng hóa, chứng nhận kiểm định hợp pháp của phương tiện trước khi thực hiện hợp đồng.

8.2.2.13 Bên B cam kết và đảm bảo lái xe và phương tiện vận chuyển của Bên B tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình vận chuyển hàng hóa theo hợp đồng này. Mọi thiệt hại và nghĩa vụ pháp lý phát sinh do việc không tuân thủ quy định thuộc trách nhiệm của Bên B.

8.2.2.14 Không bố trí lái xe có tên trong Danh sách không được tham gia bất cứ công việc vận chuyển hàng hóa nào thuộc cho hệ thống cửa hàng và khách hàng của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

8.2.2.15 Phối hợp với Bên A khảo sát toàn bộ các tuyến đường vận chuyển để làm cơ sở thanh quyết toán theo đúng quy định.

ĐIỀU 9. VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ CÁC CHẾ TÀI ĐỐI VỚI BÊN VI PHẠM

9.1. Các hành vi vi phạm và nghiêm cấm được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng này bao gồm:

- Nghiêm cấm lái xe của Bên B có các hành vi gian lận, lấy trộm hàng hóa, tích trữ xăng dầu vào cốp phương tiện hoặc các dụng cụ chứa khác như can, phuy,... để trục lợi trong quá trình giao nhận và vận chuyển xăng dầu. Trường hợp có vi phạm xảy ra, Bên B phải chịu toàn bộ trách nhiệm có liên quan đến hành vi của lái xe, bị trừ điểm khi đánh giá hồ sơ chào thầu ở những lần lựa chọn nhà thầu dịch vụ vận tải tiếp theo của Bên A; đồng thời lái xe vi phạm không được tham gia bất cứ công việc vận chuyển hàng hóa (xăng dầu) nào thuộc các Công ty Xăng dầu thành viên của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

- Nghiêm cấm Bên B sử dụng phương tiện vận tải không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đo lường/đăng kiểm, các phương tiện tự hoán cải và các quy định cấm khác của Pháp luật.

- Nghiêm cấm lái xe của Bên B đưa/nhận bất kỳ quà bằng tiền, hiện vật từ Bên B, CHXD của Bên A và nhân viên kho xăng dầu có liên quan đến việc cung cấp xăng dầu cho Bên B.

- Nghiêm cấm lái xe của Bên B vi phạm các quy định của Luật giao thông đường bộ hiện hành và các văn bản pháp luật khác có liên quan trong quá trình tham gia vận chuyển hàng hóa.

9.2. Các chế tài đối với Bên vi phạm

- Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A đối với mọi tổn thất, hư hỏng, thiệt hại do Lái xe, người lao động của Bên B gây ra cho Bên A và/hoặc người lao động của Bên A. Trách nhiệm và mức độ bồi thường của Bên B tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật.

- Trường hợp có vi phạm xảy ra, Bên B phải chịu toàn bộ trách nhiệm có liên quan đến hành vi của lái xe; đồng thời lái xe vi phạm không được tham gia bất cứ công việc vận chuyển hàng hóa (xăng dầu) nào thuộc các Công ty Xăng dầu thành viên của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

- Trường hợp Bên B và/hoặc lái xe, nhân viên của Bên B nhiều lần vi phạm quy định của Hợp đồng, Bên A có quyền tạm dừng thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng với Bên B trên cơ sở đánh giá mức độ nghiêm trọng/hậu quả của các vi phạm của Bên B nếu Bên B vi phạm đến lần thứ 3; Bên B bị trừ điểm về uy tín trong quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc bị xem xét đưa vào danh sách không được tham dự các gói thầu của Bên A trong các lần lựa chọn nhà thầu tiếp theo.

Việc tạm dừng thực hiện hợp đồng của Bên A phải được Bên A thông báo trước bằng văn bản tới Bên B.

- Trường hợp Bên A phát hiện lái xe của Bên B tự ý rút hàng dẫn đến thiếu hụt hàng hóa, đại diện hai Bên lập biên bản xác định lượng hàng thiếu (sau khi đã tính đến yếu tố tăng/giảm do chênh lệch nhiệt độ và trừ định mức hao hụt). Bên B có trách nhiệm bồi thường 100% giá trị hàng thiếu theo giá bán lẻ tại thời điểm phát sinh thiếu hàng cho Bên A, không tính cước vận chuyển của chuyến hàng này.

- Trường hợp lái xe của bên B có các hành vi tiêu cực làm sai lệch chất lượng, số lượng xăng dầu trong quá trình vận chuyển và được các phương tiện truyền thông đưa tin thì ngoài trách nhiệm bồi thường, chịu phạt như trên, Bên B phải chịu trách nhiệm chính trong việc xử lý khủng hoảng truyền thông.

Ngoài các hành vi vi phạm và các chế tài được quy định tại điều này, Bên B phải chịu trách nhiệm đối với mọi hành vi vi phạm các nghĩa vụ khác đã được quy định tại các điều khoản của Hợp đồng này và quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG

10.1 Sự kiện bất khả kháng trong quá trình thực hiện hợp đồng này là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, bao gồm:

- Hư hỏng phương tiện hoặc xảy ra tai nạn giao thông trong quá trình vận chuyển hàng hóa;

- Bão, lụt, thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

10.2 Trong các trường hợp trên, Bên B được miễn trách nhiệm đối với việc không thực hiện được một phần nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng này do sự kiện bất khả kháng với điều kiện trong thời gian 10 giờ kể từ khi phát sinh tình huống bất khả kháng, Bên B có thông báo và cung cấp thông tin về sự kiện bất khả kháng, các biện pháp khắc phục và phương án giải quyết để Bên A được biết.

ĐIỀU 11. BẢO HIỂM

11.1 Bên A hoặc Bên có liên quan có trách nhiệm mua bảo hiểm đối với hàng hóa Bên A thuê vận chuyển, trừ các loại bảo hiểm thuộc trách nhiệm của Bên B theo Khoản 11.2 của Điều này.

11.2 Bên B dùng kinh phí của mình mua các loại bảo hiểm sau: Bảo hiểm người điều khiển phương tiện, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ 3, bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm vật chất phương tiện vận tải, bảo hiểm hàng hóa trong quá trình vận chuyển.

ĐIỀU 12: ĐIỀU CHỈNH HỢP ĐỒNG

12.1 Hợp đồng được điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung khi có sự thoả thuận và thống nhất giữa hai Bên.

12.2 Việc điều chỉnh thực hiện theo đúng các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, các quyết định có liên quan đến giá cước, giá cả xăng dầu, lệ phí cầu đường, các khoản thuế, phân loại đường bộ, quyết định phân luồng hoạt động của xe tải, v.v... do các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

12.3 Việc điều chỉnh hợp đồng phải được thực hiện bằng văn bản do đại diện hợp pháp của hai Bên ký mới có giá trị thực hiện.

ĐIỀU 13. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

13.1 Hợp đồng có giá trị thực hiện từ ngày 01/08/2025 đến hết ngày 31/12/2025.

13.2 Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng này.

13.3 Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các vấn đề vướng mắc phát sinh sẽ được hai Bên ưu tiên áp dụng giải quyết thông qua trao đổi, thương lượng và hòa giải. Nếu không thoả thuận được thì thống nhất đưa ra toà án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định pháp luật. Quyết định của toà án là quyết định cuối cùng có giá trị bắt buộc với các Bên, án phí và các phí liên quan sẽ do Bên thua kiện chịu.

13.4 Trường hợp các văn bản pháp luật và các văn bản của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam được dẫn chiếu trong Hợp đồng có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì các bên thống nhất thực hiện và áp dụng các quy định mới đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

13.5 Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong hợp đồng này sẽ được các Bên thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

13.6 Hợp đồng này được lập thành 06 bản, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 03 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC 01: CỤ LY, ĐƠN GIÁ CƯỚC THEO PHÂN LOẠI ĐƯỜNG BỘ

(Kèm theo Hợp đồng vận chuyển xăng dầu số ký ngày... tháng... năm 2025)

Phụ lục này áp dụng từ ngày ... tháng... năm 2025

STT	Nơi giao hàng CHXD	Nơi nhận hàng	Tổng cự ly (km)	Hao hụt khâu vận chuyển đường bộ (%)	Đơn giá cước vận chuyển (đồng/lít)
I.	Nhận hàng tại Kho K132				
1	Petrolimex-Cửa hàng 01	Kho K132			
2	Petrolimex-Cửa hàng 02	Kho K132			
3	Petrolimex-Cửa hàng 03	Kho K132			
5	Petrolimex-Cửa hàng 05	Kho K132			
6	Petrolimex-Cửa hàng 06	Kho K132			
7	Petrolimex-Cửa hàng 10	Kho K132			
8	Petrolimex-Cửa hàng 11	Kho K132			
9	Petrolimex-Cửa hàng 12	Kho K132			
10	Petrolimex-Cửa hàng 14	Kho K132			
11	Petrolimex-Cửa hàng 15	Kho K132			
12	Petrolimex-Cửa hàng 16	Kho K132			
13	Petrolimex-Cửa hàng 17	Kho K132			
14	Petrolimex-Cửa hàng 09	Kho K132			
15	Petrolimex-Cửa hàng 20	Kho K132			
16	Petrolimex-Cửa hàng 21	Kho K132			
17	Petrolimex-Cửa hàng 22	Kho K132			
18	Petrolimex-Cửa hàng 24	Kho K132			
19	Petrolimex-Cửa hàng 30	Kho K132			
20	Petrolimex-Cửa hàng 31	Kho K132			
21	Petrolimex-Cửa hàng 33	Kho K132			
22	Petrolimex-Cửa hàng 34	Kho K132			
23	Petrolimex-Cửa hàng 35	Kho K132			
24	Petrolimex-Cửa hàng 36	Kho K132			
II	Nhận tại kho Đức Giang				
1	Petrolimex-Cửa hàng 01	Kho ĐG			
2	Petrolimex-Cửa hàng 02	Kho ĐG			
3	Petrolimex-Cửa hàng 03	Kho ĐG			
4	Petrolimex-Cửa hàng 05	Kho ĐG			
6	Petrolimex-Cửa hàng 10	Kho ĐG			
7	Petrolimex-Cửa hàng 11	Kho ĐG			
8	Petrolimex-Cửa hàng 12	Kho ĐG			
9	Petrolimex-Cửa hàng 14	Kho ĐG			
10	Petrolimex-Cửa hàng 15	Kho ĐG			
11	Petrolimex-Cửa hàng 16	Kho ĐG			

12	Petrolimex-Cửa hàng 17	Kho ĐG			
13	Petrolimex-Cửa hàng 09	Kho ĐG			
16	Petrolimex-Cửa hàng 22	Kho ĐG			
17	Petrolimex-Cửa hàng 24	Kho ĐG			
21	Petrolimex-Cửa hàng 34	Kho ĐG			
23	Petrolimex-Cửa hàng 36	Kho ĐG			
III	Kho Thượng Lý				
1	Petrolimex-Cửa hàng 05	Kho Thượng Lý			
2	Petrolimex-Cửa hàng 24	Kho Thượng Lý			

Ghi chú:

- Đơn giá cước nêu trên chưa bao gồm phí cầu đường và chưa bao gồm phí bơm rót, chưa bao gồm thuế VAT.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có cung tuyến không phù hợp thì hai bên sẽ tiến hành khảo sát đánh giá lại.